

THPT CHU VĂN AN

Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố: Huyện Cần Đức

Tỉnh/Thành phố: Tỉnh Long An

SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH
CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

LỚP 10A3

NĂM HỌC: 2024-2025

THPT CHU VĂN AN

Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố: Huyện Cần Đức

Tỉnh/Thành phố: Tỉnh Long An

SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH

CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
THPT CHU VĂN AN

Xã (phường, thị trấn): Thị trấn Cần Đức

Huyện (quận, TX, TP thuộc tỉnh): Huyện Cần Đức

Tỉnh(thành phố): Tỉnh Long An

Lớp 10A3 Năm học: 2024-2025

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Hồng Thảo

Hiệu trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nguyễn Minh Triều

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH

1. Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) được quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.
2. Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) do nhà trường quản lý và sử dụng.
3. Giáo viên môn học trực tiếp ghi vào Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) đầy đủ các thông tin cần thiết của môn học do giáo viên phụ trách, khớp với các thông tin trong Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (của giáo viên), kí tên và ghi rõ họ tên vào cuối danh sách học sinh đối với từng môn học. Trường hợp có nhiều giáo viên cùng tham gia dạy học thì các giáo viên môn học cùng kí tên và ghi rõ họ tên vào cuối danh sách học sinh đối với từng môn học.

Giáo viên chủ nhiệm trực tiếp ghi vào Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) những thông tin thuộc nhiệm vụ quy định cho giáo viên chủ nhiệm lớp.

4. Không ghi bằng mực đỏ (trừ trường hợp sửa chữa), các loại mực có thể tẩy xóa được; việc ghi Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) phải cập nhật đúng tiến độ thời gian theo kế hoạch dạy học và giáo dục của tổ chuyên môn và bảo quản, giữ gìn cẩn thận, sạch sẽ.
5. Khi sửa chữa dùng bút đỏ gạch ngang nội dung cũ, ghi nội dung mới vào phía trên bên phải vị trí ghi nội dung cũ, ký xác nhận về sự sửa chữa ở ngay cạnh hoặc ở cột Ghi chú.
6. Nhà trường, giáo viên chủ nhiệm lớp, giáo viên môn học chỉ cung cấp các thông tin về kết quả rèn luyện và học tập của học sinh trong Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) cho riêng từng học sinh hoặc cha mẹ học sinh.

SƠ YẾU LÝ LỊCH HỌC SINH

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Nam/ Nữ	Đối tượng ưu tiên	Địa chỉ gia đình
1	Nguyễn Ngọc An	12/09/2009	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp 4 Phước Đông
2	Nguyễn Quốc Kỳ Anh	24/02/2009	Đồng Tháp	Kinh	Nam		Ấp 1, Xã ,Phước Đông, huyện Cần Đức, Tỉnh Long An
3	Cao Hoài Ân	04/10/2009	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp 5-Xã Phước Đông - Huyện Cần Đức
4	Phan Hoài Ân	21/08/2009	Long An	Kinh	Nam		Ấp 3, Xã Tân Ân, Huyện Cần Đức, Long An
5	Võ Trọng Ân	12/02/2009	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		124 khu 1A Thị trấn Cần Đức, Huyện Cần Đức, Long An
6	Trần Dương Gia Bảo	03/11/2009	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp Hòa Quới, xã Tân Chánh, huyện cần Đức, tỉnh Long An
7	Châu Huỳnh Tấn Bảo	19/02/2009	Long An	Kinh	Nam		Ấp 4, Tân Ân
8	Huỳnh Lê Ngọc Diễm	21/01/2009	Bến Tre	Kinh	Nữ		Ấp 5, Xã Phước Tuy
9	Nguyễn Anh Duy	20/09/2009	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp Nhà Trường Xã Tân Lân Huyện Cần Đức
10	Võ Lê Mỹ Duyên	15/11/2009	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp 3, Phước Tuy, Cần Đức, Long An
11	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	27/09/2009	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Khu 2, Thị trấn Cần Đức
12	Lê Thành Đạt	27/08/2009	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp Xóm Mới Xã Tân Lân Huyện Cần Đức
13	Đặng Ngọc Hà	15/12/2009	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp 2, xã phước Tuy, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
14	Phan Thị Hồng Hạnh	05/10/2009	Long An	Kinh	Nữ		Ấp 2 xã Phước Đông huyện Cần Đức tỉnh Long An
15	Phan Thị Thanh Hằng	22/11/2009	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp Đình, Tân Chánh
16	Phạm Minh Hiền	17/07/2009	Tiền Giang	Kinh	Nam		Ấp 6, Xã Tân Ân, Huyện Cần Đức
17	Nguyễn An Khang	16/05/2009	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Khu 1C ,TT Cần Đức Huyện Cần Đức tỉnh Long An
18	Nguyễn Trần Thành Khang	06/04/2009	Thành Phố Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp Hòa Quới - Xã Tân Chánh - Huyện Cần Đức - Tỉnh Long An
19	Nguyễn Nhựt Khánh	07/12/2009	Long An	Kinh	Nam		ấp 3, Phước Đông, Cần Đức, Long An
20	Trần Thị Mộng Kiều	11/10/2009	Long An	Kinh	Nữ		Ấp 5 Phước Đông
21	Trần Thị Thúy Kiều	19/06/2009	Long An	Kinh	Nữ		Ấp Bà Nghĩa, xã Tân Chánh, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
22	Huỳnh Lê Kỳ	21/10/2009	Long An	Kinh	Nam		Ấp Đình, xã Tân Chánh, huyện cần Đức, tỉnh Long An
23	Lê Hoàng Long	28/09/2009	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp 3, Xã Phước Đông
24	Nguyễn Hoàng Phi Long	05/03/2009	Long An	Kinh	Nam		ấp 4, xã Phước Đông huyện Cần Đức, tỉnh Long An
25	Lê Thị Thuý Mai	03/01/2009	Đồng Tháp	Kinh	Nữ		Ấp 6 Xã Phước Tuy Huyện Cần Đức
26	Nguyễn Thị Diễm My	26/12/2009	Long An	Kinh	Nữ		Ấp 6,Xã Phước Tuy,Huyện Cần Đức,Tỉnh Long An
27	Nguyễn Ngọc Thanh Ngân	23/11/2009	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp 1 xã Phước Đông huyện Cần Đức
28	Nguyễn Trúc Nhi	28/01/2009	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp Long Mỹ Xã Mỹ Lệ Huyện Cần Đức
29	Vũ Hoàng Phúc	16/03/2009	Bình Phước	Kinh	Nam		ấp 2, xã Phước Đông, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
29	Nguyễn Hoàng Phúc	12/07/2009	Long An	Kinh	Nam		Ấp Đông Trung - Tân Chánh - Cần Đức - Long An
30	Lâm Hoàng Kim Phụng	02/05/2008	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		53 Trần Hưng Đạo, khu 3, Thị trấn Cần Đức
31	Nguyễn Thanh Phúc	16/03/2009	Bệnh viện An Bình, Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp 2a, Xã Tân Ân, Huyện Cần Đức, Long An
32	Phan Thị Thúy Phương	15/10/2009	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp Xóm Mới Xã Tân Lân Huyện Cần Đức
33	Đặng Nhựt Quy	17/10/2009	Tiền Giang	Kinh	Nam		Ấp Bà Nghĩa - Xã Tân Chánh - Huyện Cần Đức - Tỉnh Long An
34	Trần Mạnh Quỳnh	21/06/2009	Thành Phố Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp Đông Trung - Xã Tân Chánh - Huyện Cần Đức - Tỉnh Long An
36	Dương Tấn Sang	26/06/2009	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp 5, xã Phước Đông, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
37	Nguyễn Minh Tâm	16/12/2008	Long An	Kinh	Nam		Ấp 5, xã Phước Đông, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
38	Huỳnh Quốc Thịnh	27/11/2009	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp 2 xã Phước Đông huyện Cần Đức tỉnh Long An
39	Trương Ngọc Phương Thúy	26/11/2009	Đồng Tháp	Kinh	Nữ		Ấp 7, xã Phước Tuy, huyện Cần Đức, tỉnh Long An
40	Lương Khánh Trinh	07/10/2009	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp Bà Thoại Xã Tân Lân Huyện Cần Đức
41	Phạm Nguyễn Khánh Trung	15/04/2009	Long An	Kinh	Nam		Ấp 4, xã Phước Đông , huyện Cần Đức, tỉnh Long An
42	Nguyễn Việt Trường	15/11/2009	Long An	Kinh	Nam		Ấp 2A, Xã Tân Ân, Huyện Cần Đức, Long An
43	Nguyễn Minh Tuấn	26/03/2009	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp 5 xã Phước Đông huyện Cần Đức tỉnh Long An
44	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	23/03/2009	Ninh Bình	Kinh	Nữ		Ấp Mỹ Tây, Xã Mỹ Lệ, Huyện Cần Đức, Tỉnh Long An.
45	Nguyễn Ngọc Như Ý	13/03/2009	Long An	Kinh	Nữ		ẤP 5, XÃ PHƯỚC TUY
46	Châu Thị Ngọc Yến	13/10/2009	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp 4 Phước Đông

Số TT	Họ và tên cha, nghề nghiệp, điện thoại, email (hoặc người giám hộ)	Họ và tên mẹ, nghề nghiệp, điện thoại, email (hoặc người giám hộ)	Những thay đổi cần chú ý trong năm học (gia đình, sức khỏe, nơi ở ...)
1	Nguyễn Thanh Bình - Bảo vệ	Lê Thị Mỹ Duyên - Công nhân	
2	Nguyễn Văn Triều - Tự do	Phan Thị Bích Tuyền - Nông dân	
3	Cao Hoài Phong - Công Nhân	Nguyễn Thúy Liễu - Công Nhân	
4	Phan Xuân Kỳ - Buôn bán	Lâm Thị Kim Nương - Lao động tự do	
5	Võ Chí Thiện - Công nhân	Phan Thị Kim Thoa - Công nhân	
6	Trần Văn Dũng - Công nhân	Trần Thị Ngọc Bích - Nội trợ	
7	Châu Công Tấn - Tự do	Huỳnh Thị Huyền - Nội trợ	
8	Huỳnh Văn Nghiêm - Công nhân	Lê Thị Huyền Trang - Công nhân	
9	Trần Ngọc Trung - Công nhân	Hiếu Thị Tâm - Công nhân	
10	Võ Thanh Vũ - Cơ khí	Lê Thị Thúy Diễm - Buôn bán	
11	Nguyễn Minh Chiêu - Thợ hớt tóc	Mai Thanh Kiên - Nội trợ	
12	Lê Thành Trung - Công nhân	Võ Thị Thanh Diệu - Công nhân	
13	Đặng Thanh Hưng - Thợ hồ	Nguyễn Thị Mai Phương - Thợ may	
14	Phan Hữu Thiện - Làm ruộng	Nguyễn Thị Phong - Nội trợ	
15	Phan Văn Thanh - Thợ hồ	Võ Thị Trường Duyên - Buôn bán	
16	Phạm Văn Ngoan - Thợ hồ	Nguyễn Thị Lá - công nhân	
17	Nguyễn Đình Khanh - Buôn bán	Nguyễn Thị Ngọc Trâm - Buôn bán	
18	Nguyễn Thành Tân - Tự do	Trần Thị Mỹ Duyên - Công nhân	
19	Nguyễn Thành Tâm - thợ hồ	Cao Thị Kim Yến - Công nhân	
20	Trần Hùng Thuận - Đi ghe	Trần Thị Ngọc Hương - Đi ghe	
21	Trần Văn Ly - Cơ khí	Nguyễn Thị Thúy An - Công nhân	
22		Huỳnh Thị Thu Hằng - Nội trợ	
23	Lê Anh Tuấn - Buôn bán	Nguyễn Thị Liên - Buôn bán	
24	Nguyễn Hoàng Nam - Thợ máy	Nguyễn Thị Ngọc Hiền - Công nhân	
25	Lê Thanh Tuấn - Tài xế	Lê Thị Tuyết Kiều - Buôn bán	
26	Nguyễn Thanh Nhân - Bảo vệ	Phạm Thị Hồng Yến - Giáo viên	
27	Nguyễn Minh Nhật - Công nhân	Nguyễn Thị Ngọc Thanh - công nhân	
28	Nguyễn Hữu Hạnh - công nhân	Nguyễn Thị Hồng Oanh - công nhân	
29	Vũ Văn Tiềm - Công nhân	Nguyễn Thị Trúc Linh - Công nhân	
29	Nguyễn Văn Thắng - Tự do	Nguyễn Ngọc Bích - Nội trợ	
30	Lâm Nguyễn Trọng Tín - Kinh doanh	Hồ Thị Bích Thủy - Buôn bán	
31	Nguyễn Thanh Nhuận - Làm ruộng	Nguyễn Thị Mỹ Duyên - Buôn bán	
32	Phan Văn Việt - Công nhân	Nguyễn Thị Ngọc Dung - Nội trợ	
33	Đặng Hoàng Minh - Tự do	Bùi Thị Hiền - Công nhân	
34	Trần Văn Cương - Tự do	Trần Thị Thanh - Nội trợ	
36	Dương Tấn Vũ - Tài xế	Phạm Thị Mỹ Hằng - làm tóc	
37	Nguyễn Văn Hạnh - Thợ mộc	Nguyễn Thị Kim Mừng - Nội trợ	
38	Huỳnh Quốc Bửu - Làm ruộng	Nguyễn Thị Thanh Trang - Công Nhân	
39	Trương Quốc Cường - Công nhân	Nguyễn Thị Thúy An - Công nhân	
40	Lương Khắc Trường - Buôn bán	Võ Thị Kim Vân - Nội trợ	
41	Phạm Văn Mừng - Lao động tự do	Nguyễn Thị Phát - Công nhân	
42	Nguyễn Việt Phương - Công nhân	Hồ Thị Thanh Loan - Công nhân	
43	Nguyễn Văn Ba - Công Nhân	Nguyễn Thị Kim Liên - Công Nhân	
44	Nguyễn Văn Lập - Buôn bán	Phan Thị Tươi - Buôn bán	
45	Nguyễn Minh Tâm - Kinh doanh tự do	Phạm Thị Huệ - Công nhân	
46	Châu Minh Hiệp - Tài xế	Nguyễn Thị Ngọc Trinh - công nhân	

Tỉ lệ:	Giáo viên chủ nhiệm (Ký và ghi rõ họ tên)	Hiệu trưởng (Ký tên, đóng dấu)
có phép: 0%		
không phép: 0%		
	Nguyễn Thị Hồng Thảo	Nguyễn Minh Triều

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	TS	P	K
1	Nguyễn Ngọc An											P	P																					2	2	0
2	Nguyễn Quốc Kỳ Anh				P	P																												2	2	0
3	Cao Hoài Ân																																	0	0	0
4	Phan Hoài Ân																																	0	0	0
5	Võ Trọng Ân																																	0	0	0
6	Trần Dương Gia Bảo																																	0	0	0
7	Châu Huỳnh Tấn Bảo																																	0	0	0
8	Huỳnh Lê Ngọc Diễm					P	P																											2	2	0
9	Nguyễn Anh Duy																																	0	0	0
10	Võ Lê Mỹ Duyên																																	0	0	0
11	Nguyễn Thị Ngọc Duyên																																	0	0	0
12	Lê Thành Đạt																																	0	0	0
13	Đặng Ngọc Hà																																	0	0	0
14	Phan Thị Hồng Hạnh					P	P																											2	2	0
15	Phan Thị Thanh Hằng																																	0	0	0
16	Phạm Minh Hiền																																	0	0	0
17	Nguyễn An Khang																																	0	0	0
18	Nguyễn Trần Thành Khang																																	0	0	0
19	Nguyễn Nhựt Khánh																																	0	0	0
20	Trần Thị Mộng Kiều												P	P																				2	2	0
21	Trần Thị Thủy Kiều																																	0	0	0
22	Huỳnh Lê Kỳ																																	0	0	0
23	Lê Hoàng Long																																	0	0	0
24	Nguyễn Hoàng Phi Long																																	0	0	0
25	Lê Thị Thuý Mai																																	0	0	0
26	Nguyễn Thị Diễm My												P	P																				2	2	0
27	Nguyễn Ngọc Thanh Ngân													P	P																			2	2	0
28	Nguyễn Trúc Nhi																																	0	0	0
29	Vũ Hoàng Phúc																																	0	0	0
29	Nguyễn Hoàng Phúc																																	0	0	0
30	Lâm Hoàng Kim Phụng					P	P																											2	2	0
31	Nguyễn Thanh Phúc																																	0	0	0
32	Phan Thị Thủy Phương																																	0	0	0
33	Đặng Nhựt Quy																																	0	0	0
34	Trần Mạnh Quỳnh																																	0	0	0
36	Dương Tấn Sang																																	0	0	0
37	Nguyễn Minh Tâm																																	0	0	0
38	Huỳnh Quốc Thịnh																																	0	0	0
39	Trương Ngọc Phương Thủy																																	0	0	0
40	Lương Khánh Trinh																																	0	0	0
41	Phạm Nguyễn Khánh Trung					P	P																											2	2	0
42	Nguyễn Việt Trường																																	0	0	0
43	Nguyễn Minh Tuấn																																	0	0	0
44	Nguyễn Thị Ánh Tuyết																																	0	0	0
45	Nguyễn Ngọc Như Ý																																	0	0	0
46	Châu Thị Ngọc Yến																																	0	0	0
	Tổng số		0	0	2	8	0	0	0	0	0	4	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	18	18	0

Ti lệ:

có phép: 100.00%
không phép: 0.00%

Giáo viên chủ nhiệm

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Hồng Thảo

Hiệu trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Triều

Tỉ lệ:	Giáo viên chủ nhiệm (Ký và ghi rõ họ tên)	Hiệu trưởng (Ký tên, đóng dấu)
có phép: 0%		
không phép: 0%		
	Nguyễn Thị Hồng Thảo	Nguyễn Minh Triều

PHẦN GHI ĐIỂM

HỌC KỲ I

HỌC KỲ I

Toán

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú
1	Nguyễn Ngọc An	8,0	7,0	9,0	8,0		3,5	4,3	5,8	Hoàn thành nội dung kiến thức môn học.
2	Nguyễn Quốc Kỳ Anh	7,0	8,0	9,0	5,0		4,8	4,8	5,9	Hoàn thành nội dung kiến thức môn học.
3	Cao Hoài Ân	6,0	8,0	9,0	8,0		5,8	6,0	6,7	Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.
4	Phan Hoài Ân	7,0	8,0	7,0	9,0		5,3	5,5	6,5	Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.
5	Võ Trọng Ân	7,0	6,0	9,0	7,0		4,8	3,3	5,4	Hoàn thành nội dung kiến thức môn học.
6	Trần Dương Gia Bảo	8,0	9,0	7,0	9,0		7,8	7,3	7,8	Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.
7	Châu Huỳnh Tấn Bảo	8,0	7,0	7,0	8,0		6,3	3,8	6,0	Hoàn thành nội dung kiến thức môn học.
8	Huỳnh Lê Ngọc Diễm	8,0	7,0	8,0	7,0		6,8	3,8	6,1	Hoàn thành nội dung kiến thức môn học.
9	Nguyễn Anh Duy	7,0	8,0	9,0	7,0		5,5	4,8	6,3	Hoàn thành nội dung kiến thức môn học.
10	Võ Lê Mỹ Duyên	9,0	8,0	9,0	9,0		8,5	7,5	8,3	Chăm học, hoàn thành tốt nội dung các bài đã học.
11	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	8,0	7,0	8,0	9,0		5,0	6,5	6,8	Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.
12	Lê Thành Đạt	8,0	7,0	8,0	8,0		4,3	5,3	6,2	Hoàn thành nội dung kiến thức môn học.
13	Đặng Ngọc Hà	9,0	9,0	8,0	9,0		7,0	5,5	7,3	Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.
14	Phan Thị Hồng Hạnh	7,0	6,0	7,0	9,0		3,8	3,5	5,2	Hoàn thành nội dung kiến thức môn học.
15	Phan Thị Thanh Hằng	8,0	8,0	7,0	9,0		6,0	7,5	7,4	Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.
16	Phạm Minh Hiền	8,0	7,0	8,0	8,0		4,5	5,5	6,3	Hoàn thành nội dung kiến thức môn học.
17	Nguyễn An Khang	9,0	10,0	9,0	9,0		5,3	7,0	7,6	Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.
18	Nguyễn Trần Thành Khang	8,0	7,0	9,0	6,0		5,8	4,0	6,0	Hoàn thành nội dung kiến thức môn học.
19	Nguyễn Nhựt Khánh	7,0	9,0	8,0	8,0		5,3	5,0	6,4	Hoàn thành nội dung kiến thức môn học.
20	Trần Thị Mộng Kiều	8,0	9,0	9,0	9,0		6,8	7,5	7,9	Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.
21	Trần Thị Thúy Kiều	7,0	5,0	7,0	8,0		7,3	3,5	5,8	Hoàn thành nội dung kiến thức môn học.
22	Huỳnh Lê Kỳ	7,0	7,0	8,0	8,0		4,0	3,8	5,5	Hoàn thành nội dung kiến thức môn học.
23	Lê Hoàng Long	8,0	7,0	9,0	8,0		7,3	4,0	6,5	Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.
24	Nguyễn Hoàng Phi Long	7,0	5,0	8,0	8,0		4,0	5,8	5,9	Hoàn thành nội dung kiến thức môn học.
25	Lê Thị Thuý Mai	7,0	9,0	8,0	8,0		5,8	4,8	6,4	Hoàn thành nội dung kiến thức môn học.
26	Nguyễn Thị Diễm My	7,0	8,0	8,0	7,0		5,5	4,3	6,0	Hoàn thành nội dung kiến thức môn học.
27	Nguyễn Ngọc Thanh Ngân	8,0	8,0	7,0	8,0		5,3	5,3	6,4	Hoàn thành nội dung kiến thức môn học.
28	Nguyễn Trúc Nhi	7,0	7,0	9,0	8,0		5,8	5,5	6,6	Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.
29	Vũ Hoàng Phúc	8,0	9,0	7,0	9,0		7,0	6,8	7,5	Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.
29	Nguyễn Hoàng Phúc									
30	Lâm Hoàng Kim Phụng	8,0	7,0	8,0	8,0		5,0	5,0	6,2	Hoàn thành nội dung kiến thức môn học.
31	Nguyễn Thanh Phúc									
32	Phan Thị Thúy Phương	10,0	9,0	9,0	10,0		7,0	9,5	8,9	Chăm học, hoàn thành tốt nội dung các bài đã học.
33	Đặng Nhựt Quy	8,0	8,0	9,0	9,0		7,0	6,0	7,3	Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.
34	Trần Mạnh Quỳnh	8,0	9,0	9,0	9,0		7,0	7,0	7,8	Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.
36	Dương Tấn Sang	8,0	9,0	8,0	8,0		5,0	5,0	6,4	Hoàn thành nội dung kiến thức môn học.
37	Nguyễn Minh Tâm	7,0	8,0	7,0	9,0		5,3	6,3	6,7	Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.
38	Huỳnh Quốc Thịnh	9,0	10,0	8,0	9,0		6,8	6,5	7,7	Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.
39	Trương Ngọc Phương Thúy	9,0	10,0	9,0	9,0		6,8	7,0	8,0	Chăm học, hoàn thành tốt nội dung các bài đã học.
40	Lương Khánh Trình	9,0	9,0	8,0	10,0		7,8	8,3	8,5	Chăm học, hoàn thành tốt nội dung các bài đã học.
41	Phạm Nguyễn Khánh Trung	7,0	7,0	6,0	8,0		3,8	3,3	5,1	Hoàn thành nội dung kiến thức môn học.
42	Nguyễn Việt Trường	9,0	7,0	8,0	9,0		6,5	7,3	7,5	Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.
43	Nguyễn Minh Tuấn	8,0	6,0	8,0	8,0		5,3	6,3	6,6	Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.
44	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	7,0	8,0	8,0	8,0		5,8	6,0	6,7	Học khá, biết vận dụng bài học vào thực tiễn.
45	Nguyễn Ngọc Như Ý	10,0	9,0	8,0	9,0		8,8	7,5	8,5	Chăm học, hoàn thành tốt nội dung các bài đã học.
46	Châu Thị Ngọc Yến									

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Hồng Thảo

Vật lý HỌC KỲ I (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)											
STT	Họ và tên	ĐDGTx					ĐDGGk	ĐDGGk	ĐTB mhh	Ghi Chú	
1	Nguyễn Ngọc An	8,0	9,0	9,0			6,8	6,8	7,5	Chăm ngoan, có cố gắng	
2	Nguyễn Quốc Kỳ Anh	7,0	6,0	8,0			7,8	6,3	6,9	Học khá, có cố gắng.	
3	Cao Hoài Ân	10,0	9,0	9,0			8,8	8,0	8,7	Học tốt, ngoan	
4	Phan Hoài Ân	8,0	10,0	8,0			7,0	8,1	8,0	Học tốt, ngoan	
5	Võ Trọng Ân	7,0	6,0	8,0			6,5	5,3	6,2	Cần cố gắng ở học kỳ 2	
6	Trần Dương Gia Bảo	9,0	8,0	9,0			8,3	9,3	8,8	Học tốt, ngoan	
7	Châu Huỳnh Tấn Bảo	8,0	6,0	9,0			7,3	5,8	6,9	Học khá, có cố gắng.	
8	Huỳnh Lê Ngọc Diễm	9,0	9,0	10,0			8,8	8,2	8,8	Học tốt, ngoan	
9	Nguyễn Anh Duy	9,0	5,0	9,0			6,8	6,5	7,0	Chăm ngoan, có cố gắng	
10	Võ Lê Mỹ Duyên	9,0	6,0	8,0			7,8	8,9	8,2	Học tốt, ngoan	
11	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	9,0	8,0	8,0			7,0	7,0	7,5	Chăm ngoan, có cố gắng	
12	Lê Thành Đạt	8,0	7,0	8,0			7,3	6,3	7,1	Chăm ngoan, có cố gắng	
13	Đặng Ngọc Hà	9,0	8,0	10,0			7,3	7,8	8,1	Học tốt, ngoan	
14	Phan Thị Hồng Hạnh	9,0	7,0	8,0			5,5	5,0	6,3	Cần cố gắng ở học kỳ 2	
15	Phan Thị Thanh Hằng	9,0	6,0	8,0			7,5	9,5	8,3	Học tốt, ngoan	
16	Phạm Minh Hiền	9,0	7,0	8,0			5,8	5,5	6,5	Học khá, có cố gắng.	
17	Nguyễn An Khang	10,0	9,0	10,0			8,5	8,0	8,8	Học tốt, ngoan	
18	Nguyễn Trần Thành Khang	8,0	6,0	8,0			8,0	8,0	7,8	Chăm ngoan, có cố gắng	
19	Nguyễn Nhựt Khánh	9,0	7,0	8,0			5,3	7,0	7,0	Chăm ngoan, có cố gắng	
20	Trần Thị Mộng Kiều	8,0	9,0	8,0			8,0	6,3	7,5	Chăm ngoan, có cố gắng	
21	Trần Thị Thúy Kiều	8,0	5,0	9,0			7,3	7,0	7,2	Chăm ngoan, có cố gắng	
22	Huỳnh Lê Kỳ	8,0	10,0	9,0			5,3	6,3	7,1	Chăm ngoan, có cố gắng	
23	Lê Hoàng Long	9,0	6,0	9,0			6,5	8,5	7,8	Chăm ngoan, có cố gắng	
24	Nguyễn Hoàng Phi Long	10,0	7,0	8,0			7,0	8,0	7,9	Chăm ngoan, có cố gắng	
25	Lê Thị Thuý Mai	9,0	8,0	10,0			8,5	8,5	8,7	Học tốt, ngoan	
26	Nguyễn Thị Diễm My	9,0	6,0	8,0			7,3	6,8	7,3	Chăm ngoan, có cố gắng	
27	Nguyễn Ngọc Thanh Ngân	7,0	7,0	9,0			7,3	7,3	7,4	Chăm ngoan, có cố gắng	
28	Nguyễn Trúc Nhi	8,0	9,0	8,0			7,0	6,3	7,2	Chăm ngoan, có cố gắng	
29	Vũ Hoàng Phúc	9,0	8,0	8,0			7,3	7,0	7,6	Chăm ngoan, có cố gắng	
29	Nguyễn Hoàng Phúc										
30	Lâm Hoàng Kim Phụng	10,0	10,0	9,0			8,3	8,3	8,8	Học tốt, ngoan	
34	Nguyễn Thanh Phúc										
32	Phan Thị Thúy Phương	10,0	9,0	10,0			8,3	7,5	8,5	Học tốt, ngoan	
33	Đặng Nhựt Quy	7,0	6,0	8,0			8,0	9,5	8,2	Học tốt, ngoan	
34	Trần Mạnh Quỳnh	9,0	8,0	8,0			7,8	7,8	8,0	Học tốt, ngoan	
36	Dương Tấn Sang	10,0	9,0	9,0			6,0	8,0	8,0	Học tốt, ngoan	
37	Nguyễn Minh Tâm	10,0	10,0	8,0			6,8	8,3	8,3	Học tốt, ngoan	
38	Huỳnh Quốc Thịnh	8,0	7,0	8,0			7,3	7,5	7,5	Chăm ngoan, có cố gắng	
39	Trương Ngọc Phương Thủy	9,0	10,0	9,0			7,8	8,0	8,5	Học tốt, ngoan	
40	Lương Khánh Trình	10,0	9,0	8,0			8,8	9,8	9,3	Học tốt, chăm ngoan	
41	Phạm Nguyễn Khánh Trung	8,0	7,0	8,0			4,0	6,3	6,2	Cần cố gắng ở học kỳ 2	
42	Nguyễn Việt Trường	10,0	10,0	10,0			8,3	10,0	9,6	Học tốt, chăm ngoan	
43	Nguyễn Minh Tuấn	9,0	10,0	8,0			7,3	7,5	8,0	Học tốt, ngoan	
44	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	8,0	9,0	8,0			7,3	8,0	8,0	Học tốt, ngoan	
45	Nguyễn Ngọc Như Ý	10,0	7,0	8,0			7,0	7,3	7,6	Chăm ngoan, có cố gắng	
46	Châu Thị Ngọc Yến										

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Tấn Phương

Hóa học (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)												
STT	Họ và tên	ĐDGtx					ĐDGgk	ĐDGck	ĐTB mhk	Ghi Chú		
1	Nguyễn Ngọc An	8,0	6,0	9,0			7,5	5,8	6,9	Cần cố gắng ở học kỳ 2		
2	Nguyễn Quốc Kỳ Anh	8,0	7,0	9,0			6,3	6,0	6,8	Cần cố gắng ở học kỳ 2		
3	Cao Hoài Ân	8,0	8,0	9,0			7,0	7,0	7,5	Học khá. Chăm, ngoan		
4	Phan Hoài Ân	8,0	9,0	8,0			6,8	6,8	7,4	Học khá. Chăm, ngoan		
5	Võ Trọng Ân	8,0	9,0	9,0			8,5	6,3	7,7	Học khá. Chăm, ngoan		
6	Trần Dương Gia Bảo	8,0	9,0	9,0			9,5	9,5	9,2	Học tốt. Chăm, ngoan		
7	Châu Huỳnh Tấn Bảo	8,0	9,0	8,0			8,3	6,5	7,6	Học khá. Chăm, ngoan		
8	Huỳnh Lê Ngọc Diễm	8,0	10,0	9,0			8,8	8,0	8,6	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt		
9	Nguyễn Anh Duy	8,0	9,0	9,0			7,8	6,8	7,8	Học khá. Chăm, ngoan		
10	Võ Lê Mỹ Duyên	8,8	8,0	9,0			9,5	9,0	9,0	Học tốt. Chăm, ngoan		
11	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	8,0	6,0	9,0			7,0	4,0	6,1	Cần cố gắng ở học kỳ 2		
12	Lê Thành Đạt	8,0	7,0	9,0			8,5	6,0	7,4	Học khá. Chăm, ngoan		
13	Đặng Ngọc Hà	8,0	10,0	9,0			9,0	8,3	8,7	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt		
14	Phan Thị Hồng Hạnh	8,0	6,0	9,0			8,0	4,8	6,7	Cần cố gắng ở học kỳ 2		
15	Phan Thị Thanh Hằng	8,0	9,0	8,0			10,0	7,5	8,4	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt		
16	Phạm Minh Hiền	8,0	9,0	8,0			8,3	4,3	6,8	Cần cố gắng ở học kỳ 2		
17	Nguyễn An Khang	10,0	6,0	10,0			7,8	6,8	7,8	Học khá. Chăm, ngoan		
18	Nguyễn Trần Thành Khang	8,0	9,0	9,0			9,8	9,3	9,2	Học tốt. Chăm, ngoan		
19	Nguyễn Nhựt Khánh	8,0	9,0	9,0			6,8	4,3	6,6	Cần cố gắng ở học kỳ 2		
20	Trần Thị Mộng Kiều	8,0	6,0	8,0			6,5	6,8	6,9	Cần cố gắng ở học kỳ 2		
21	Trần Thị Thúy Kiều	8,0	10,0	8,0			7,3	7,3	7,8	Học khá. Chăm, ngoan		
22	Huỳnh Lê Kỳ	9,0	10,0	8,0			7,5	5,5	7,3	Học khá. Chăm, ngoan		
23	Lê Hoàng Long	9,0	9,0	9,0			6,0	4,5	6,6	Cần cố gắng ở học kỳ 2		
24	Nguyễn Hoàng Phi Long	9,0	8,0	9,0			7,8	6,0	7,5	Học khá. Chăm, ngoan		
25	Lê Thị Thuý Mai	8,0	10,0	8,0			8,8	6,5	7,9	Học khá. Chăm, ngoan		
26	Nguyễn Thị Diễm My	8,0	10,0	9,0			7,8	6,5	7,8	Học khá. Chăm, ngoan		
27	Nguyễn Ngọc Thanh Ngân	8,0	8,0	8,0			9,8	8,3	8,6	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt		
28	Nguyễn Trúc Nhi	8,0	6,0	9,0			7,8	4,0	6,3	Cần cố gắng ở học kỳ 2		
29	Vũ Hoàng Phúc	9,0	8,0	9,0			7,0	7,3	7,7	Học khá. Chăm, ngoan		
29	Nguyễn Hoàng Phúc											
30	Lâm Hoàng Kim Phụng	10,0	9,0	9,0			7,8	7,0	8,1	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt		
31	Nguyễn Thanh Phúc											
32	Phan Thị Thúy Phương	9,0	10,0	8,0			9,0	9,3	9,1	Học tốt. Chăm, ngoan		
33	Đặng Nhựt Quy	8,0	9,0	8,0			9,8	9,3	9,1	Học tốt. Chăm, ngoan		
34	Trần Mạnh Quỳnh	9,0	9,0	8,0			7,5	8,3	8,2	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt		
36	Dương Tấn Sang	8,0	9,0	8,0			7,8	4,5	6,8	Cần cố gắng ở học kỳ 2		
37	Nguyễn Minh Tâm	9,0	8,0	8,0			7,3	8,3	8,1	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt		
38	Huỳnh Quốc Thịnh	8,0	8,0	8,0			8,3	6,8	7,6	Học khá. Chăm, ngoan		
39	Trương Ngọc Phương Thủy	8,0	10,0	8,0			9,0	8,5	8,7	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt		
40	Lương Khánh Trình	9,0	9,0	9,0			9,8	10,0	9,6	Học khá. Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt		
41	Phạm Nguyễn Khánh Trung	8,0	6,0	9,0			5,0	5,8	6,3	Cần cố gắng ở học kỳ 2		
42	Nguyễn Việt Trường	8,0	10,0	8,0			9,8	8,5	8,9	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt		
43	Nguyễn Minh Tuấn	8,0	10,0	8,0			6,5	4,8	6,7	Cần cố gắng ở học kỳ 2		
44	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	8,0	9,0	8,0			9,5	7,3	8,2	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt		
45	Nguyễn Ngọc Như Ý	8,0	8,0	8,0			7,8	9,0	8,3	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt		
46	Châu Thị Ngọc Yến											

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ung Nguyễn Thị Thùy Dương

Sinh học HỌC KỲ I (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)											
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú	
1	Nguyễn Ngọc An	7,0	8,0	8,0			5,5	6,0	6,5	Học khá, cần cố gắng hơn.	
2	Nguyễn Quốc Kỳ Anh	6,0	9,0	8,0			4,8	4,3	5,7	Học được, cần cố gắng hơn.	
3	Cao Hoài Ân	6,0	8,0	9,0			5,5	6,8	6,8	Học khá, cần cố gắng hơn.	
4	Phan Hoài Ân	6,0	9,0	8,0			4,8	8,3	7,2	Học khá, cần cố gắng hơn.	
5	Võ Trọng Ân	6,0	9,0	9,0			3,0	6,0	6,0	Học được, cần cố gắng hơn.	
6	Trần Dương Gia Bảo	6,0	9,0	6,0			8,5	8,8	8,1	Học tốt, chăm ngoan.	
7	Châu Huỳnh Tấn Bảo	7,0	9,0	9,0			5,5	6,8	7,1	Học khá, cần cố gắng hơn.	
8	Huỳnh Lê Ngọc Diễm	7,0	9,0	9,0			5,3	8,8	7,8	Học khá, chăm ngoan.	
9	Nguyễn Anh Duy	5,0	9,0	8,0			7,8	7,8	7,6	Học khá, chăm ngoan.	
10	Võ Lê Mỹ Duyên	7,0	9,0	9,0			6,5	7,0	7,4	Học khá, chăm ngoan.	
11	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	6,0	8,0	8,0			5,0	5,8	6,2	Học được, cần cố gắng hơn.	
12	Lê Thành Đạt	6,0	9,0	8,0			5,0	7,8	7,1	Học khá, chăm ngoan.	
13	Đặng Ngọc Hà	6,0	8,0	9,0			5,8	8,8	7,6	Học khá, chăm ngoan.	
14	Phan Thị Hồng Hạnh	6,0	9,0	8,0			4,3	6,8	6,5	Học khá, cần cố gắng hơn.	
15	Phan Thị Thanh Hằng	9,0	6,0	9,0			6,5	4,0	6,1	Học được, cần cố gắng hơn.	
16	Phạm Minh Hiền	6,0	9,0	9,0			4,8	5,5	6,3	Học được, cần cố gắng hơn.	
17	Nguyễn An Khang	9,0	9,0	9,0			6,3	6,0	7,2	Học khá, chăm ngoan.	
18	Nguyễn Trần Thành Khang	7,0	7,0	8,0			8,5	8,0	7,9	Học khá, chăm ngoan.	
19	Nguyễn Nhựt Khánh	6,0	8,0	8,0			6,0	2,5	5,2	Học được, cần cố gắng hơn.	
20	Trần Thị Mộng Kiều	10,0	8,0	8,0			5,3	7,5	7,4	Học khá, chăm ngoan.	
21	Trần Thị Thúy Kiều	8,0	9,0	8,0			5,3	4,0	6,0	Học được, cần cố gắng hơn.	
22	Huỳnh Lê Kỳ	9,0	6,0	9,0			3,8	5,0	5,8	Học được, cần cố gắng hơn.	
23	Lê Hoàng Long	6,0	9,0	8,0			4,3	6,0	6,2	Học được, cần cố gắng hơn.	
24	Nguyễn Hoàng Phi Long	7,0	8,0	7,0			6,5	6,5	6,8	Học khá, cần cố gắng hơn.	
25	Lê Thị Thuý Mai	8,0	9,0	9,0			6,5	7,0	7,5	Học khá, chăm ngoan.	
26	Nguyễn Thị Diễm My	8,0	9,0	9,0			5,3	5,3	6,6	Học khá, cần cố gắng hơn.	
27	Nguyễn Ngọc Thanh Ngân	5,0	8,0	8,0			8,0	4,8	6,4	Học được, cần cố gắng hơn.	
28	Nguyễn Trúc Nhi	7,0	9,0	8,0			5,8	5,8	6,6	Học khá, cần cố gắng hơn.	
29	Vũ Hoàng Phúc	6,0	8,0	8,0			4,8	7,3	6,7	Học khá, cần cố gắng hơn.	
29	Nguyễn Hoàng Phúc										
30	Lâm Hoàng Kim Phụng	9,0	9,0	9,0			3,5	6,8	6,8	Học khá, cần cố gắng hơn.	
31	Nguyễn Thanh Phúc										
32	Phan Thị Thúy Phương	10,0	7,0	9,0			4,0	4,3	5,9	Học được, cần cố gắng hơn.	
33	Đặng Nhựt Quy	7,0	4,0	9,0			9,5	9,0	8,3	Học tốt, chăm ngoan.	
34	Trần Mạnh Quỳnh	7,0	3,0	8,0			9,3	8,8	7,9	Học khá, chăm ngoan.	
36	Dương Tấn Sang	5,0	8,0	8,0			6,5	4,3	5,9	Học được, cần cố gắng hơn.	
37	Nguyễn Minh Tâm	6,0	9,0	9,0			5,8	4,5	6,1	Học được, cần cố gắng hơn.	
38	Huỳnh Quốc Thịnh	7,0	8,0	9,0			4,0	7,5	6,8	Học khá, cần cố gắng hơn.	
39	Trương Ngọc Phương Thủy	9,0	8,0	9,0			7,8	8,0	8,2	Học tốt, chăm ngoan.	
40	Lương Khánh Trình	9,0	8,0	9,0			8,8	9,3	8,9	Học tốt, chăm ngoan.	
41	Phạm Nguyễn Khánh Trung	5,0	9,0	8,0			5,3	6,0	6,3	Học được, cần cố gắng hơn.	
42	Nguyễn Việt Trường	10,0	9,0	9,0			4,8	9,5	8,3	Học tốt, chăm ngoan.	
43	Nguyễn Minh Tuấn	6,0	8,0	9,0			7,3	5,5	6,8	Học khá, cần cố gắng hơn.	
44	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	8,0	8,0	9,0			6,5	5,3	6,7	Học khá, cần cố gắng hơn.	
45	Nguyễn Ngọc Như Ý	10,0	6,0	9,0			10,0	6,5	8,1	Học tốt, chăm ngoan.	
46	Châu Thị Ngọc Yến										

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngô Thị Đông Tràng

HỌC KỲ I Ngữ văn (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)											
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhhk	Ghi Chú	
1	Nguyễn Ngọc An	6,0	6,0	8,0	7,0		5,5	6,0	6,2	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
2	Nguyễn Quốc Kỳ Anh	5,0	7,0	6,0	6,0		4,5	4,5	5,2	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
3	Cao Hoài Ân	6,0	7,0	6,0	7,0		4,5	6,5	6,1	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
4	Phan Hoài Ân	7,0	7,0	8,0	9,0		4,0	5,5	6,2	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
5	Võ Trọng Ân	6,0	7,0	7,0	7,0		5,5	5,5	6,1	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
6	Trần Dương Gia Bảo	6,0	8,0	7,0	7,0		5,5	4,5	5,8	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
7	Châu Huỳnh Tấn Bảo	6,0	8,0	7,0	6,0		7,0	6,5	6,7	Học khá	
8	Huỳnh Lê Ngọc Diễm	7,0	7,0	9,0	9,0		6,0	7,5	7,4	Học khá	
9	Nguyễn Anh Duy	6,0	9,0	7,0	7,0		4,0	5,5	5,9	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
10	Võ Lê Mỹ Duyên	6,0	7,0	8,0	7,0		4,0	3,5	5,2	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
11	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	6,0	6,0	7,0	8,0		5,0	5,0	5,8	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
12	Lê Thành Đạt	5,0	7,0	8,0	7,0		5,0	6,0	6,1	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
13	Đặng Ngọc Hà	6,0	7,0	7,0	7,0		5,5	4,5	5,7	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
14	Phan Thị Hồng Hạnh	6,0	9,0	7,0	7,0		3,5	4,5	5,5	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
15	Phan Thị Thanh Hằng	6,0	8,0	7,0	7,0		4,5	3,5	5,3	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
16	Phạm Minh Hiền	5,0	7,0	6,0	6,0		5,5	4,5	5,4	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
17	Nguyễn An Khang	9,0	9,0	8,0	9,0		6,5	6,5	7,5	Học khá	
18	Nguyễn Trần Thành Khang	6,0	7,0	6,0	7,0		5,5	5,5	5,9	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
19	Nguyễn Nhựt Khánh	6,0	8,0	7,0	6,0		5,0	6,0	6,1	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
20	Trần Thị Mộng Kiều	6,0	7,0	7,0	7,0		5,5	6,0	6,2	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
21	Trần Thị Thúy Kiều	7,0	8,0	7,0	8,0		5,0	4,5	5,9	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
22	Huỳnh Lê Kỳ	6,0	8,0	7,0	7,0		5,5	5,5	6,2	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
23	Lê Hoàng Long	4,0	5,0	6,0	5,0		5,5	7,0	5,8	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
24	Nguyễn Hoàng Phi Long	7,0	9,0	7,0	8,0		5,0	6,0	6,6	Học khá	
25	Lê Thị Thuý Mai	8,0	8,0	9,0	8,0		6,0	7,5	7,5	Học khá	
26	Nguyễn Thị Diễm My	6,0	7,0	8,0	7,0		6,5	6,5	6,7	Học khá	
27	Nguyễn Ngọc Thanh Ngân	5,0	6,0	7,0	7,0		3,5	5,5	5,4	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
28	Nguyễn Trúc Nhi	6,0	6,0	7,0	6,0		4,5	6,0	5,8	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
29	Vũ Hoàng Phúc	5,0	5,0	5,0	6,0		5,0	5,5	5,3	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
29	Nguyễn Hoàng Phúc										
30	Lâm Hoàng Kim Phụng	5,0	7,0	7,0	8,0		4,5	6,5	6,2	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
31	Nguyễn Thanh Phúc										
32	Phan Thị Thúy Phương	6,0	6,0	7,0	7,0		6,0	5,5	6,1	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
33	Đặng Nhựt Quy	6,0	7,0	6,0	7,0		6,5	6,0	6,3	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
34	Trần Mạnh Quỳnh	5,0	6,0	7,0	7,0		5,5	6,5	6,2	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
36	Dương Tấn Sang	6,0	9,0	8,0	7,0		3,0	5,5	5,8	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
37	Nguyễn Minh Tâm	6,0	9,0	7,0	7,0		5,5	6,0	6,4	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
38	Huỳnh Quốc Thịnh	5,0	6,0	7,0	7,0		6,0	6,0	6,1	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
39	Trương Ngọc Phương Thủy	6,0	7,0	8,0	7,0		5,0	6,5	6,4	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
40	Lương Khánh Trình	7,0	6,0	7,0	6,0		5,5	5,5	5,9	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
41	Phạm Nguyễn Khánh Trung	6,0	6,0	7,0	7,0		4,5	6,0	5,9	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
42	Nguyễn Việt Trường	6,0	9,0	7,0	8,0		5,0	6,0	6,4	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
43	Nguyễn Minh Tuấn	6,0	7,0	7,0	9,0		5,5	5,5	6,3	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
44	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	6,0	6,0	7,0	8,0		6,0	6,0	6,3	Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
45	Nguyễn Ngọc Như Ý	6,0	6,0	7,0	7,0		6,0	7,0	6,6	Học khá	
46	Châu Thị Ngọc Yến										

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Hồng Vân

HỌC KỲ I Lịch sử (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)												
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú		
1	Nguyễn Ngọc An	7,0	2,0	5,0			7,8	7,3	6,4	Học được, cần cố gắng hơn.		
2	Nguyễn Quốc Kỳ Anh	5,0	5,0	5,0			6,8	6,0	5,8	Học được, cần cố gắng hơn.		
3	Cao Hoài Ân	9,0	5,0	7,0			8,3	9,0	8,1	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
4	Phan Hoài Ân	7,0	10,0	7,0			4,8	9,0	7,6	học khá, có cố gắng.		
5	Võ Trọng Ân	8,0	3,0	5,0			5,5	5,8	5,6	Học được, cần cố gắng hơn.		
6	Trần Dương Gia Bảo	8,0	7,0	7,0			7,5	9,3	8,1	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
7	Châu Huỳnh Tấn Bảo	9,0	6,0	8,0			9,5	7,8	8,2	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
8	Huỳnh Lê Ngọc Diễm	9,0	7,0	8,0			8,3	9,0	8,5	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
9	Nguyễn Anh Duy	7,0	7,0	8,0			7,8	9,0	8,1	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
10	Võ Lê Mỹ Duyên	6,0	7,0	8,0			6,3	8,0	7,2	Học khá, có cố gắng.		
11	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	7,0	5,0	9,0			8,3	8,0	7,7	Học khá, có cố gắng.		
12	Lê Thành Đạt	8,0	5,0	7,0			6,8	6,3	6,6	Học được, cần cố gắng hơn.		
13	Đặng Ngọc Hà	9,0	6,0	9,0			7,5	9,8	8,6	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
14	Phan Thị Hồng Hạnh	6,0	7,0	8,0			7,0	7,0	7,0	Học khá, có cố gắng.		
15	Phan Thị Thanh Hằng	8,0	7,0	8,0			7,8	9,0	8,2	Học khá, có cố gắng.		
16	Phạm Minh Hiền	9,0	6,0	8,0			7,3	6,0	7,0	Học khá, có cố gắng.		
17	Nguyễn An Khang	10,0	8,0	10,0			9,5	8,8	9,2	Học khá, có cố gắng.		
18	Nguyễn Trần Thành Khang	8,0	3,0	5,0			7,3	9,3	7,3	Học khá, có cố gắng.		
19	Nguyễn Nhựt Khánh	4,0	5,0	7,0			4,8	8,5	6,4	Học được, cần cố gắng hơn.		
20	Trần Thị Mộng Kiều	9,0	6,0	9,0			7,0	6,5	7,2	Học khá, có cố gắng.		
21	Trần Thị Thúy Kiều	9,0	5,0	6,0			5,0	7,5	6,6	Học khá, có cố gắng.		
22	Huỳnh Lê Kỳ	7,0	10,0	8,0			1,8	9,0	7,0	Học khá, có cố gắng.		
23	Lê Hoàng Long	9,0	9,0	8,0			2,8	6,8	6,5	Học khá, có cố gắng.		
24	Nguyễn Hoàng Phi Long	9,0	9,0	8,0			4,0	5,0	6,1	Học được, cần cố gắng hơn.		
25	Lê Thị Thuý Mai	9,0	5,0	9,0			8,8	5,0	7,0	Học khá, có cố gắng.		
26	Nguyễn Thị Diễm My	9,0	5,0	9,0			8,5	8,0	8,0	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
27	Nguyễn Ngọc Thanh Ngân	7,0	8,0	7,0			6,8	8,3	7,6	Học khá, có cố gắng.		
28	Nguyễn Trúc Nhi	7,0	6,0	8,0			8,5	8,5	7,9	Học khá, có cố gắng.		
29	Vũ Hoàng Phúc	9,0	5,0	8,0			8,8	7,8	7,9	Học khá, có cố gắng.		
29	Nguyễn Hoàng Phúc											
30	Lâm Hoàng Kim Phụng	9,0	9,0	7,0			5,3	7,8	7,4	Học khá, có cố gắng.		
31	Nguyễn Thanh Phúc											
32	Phan Thị Thúy Phương	6,0	6,0	9,0			3,3	7,8	6,4	Học được, cần cố gắng hơn.		
33	Đặng Nhựt Quy	7,0	6,0	8,0			9,3	7,3	7,7	Học khá, có cố gắng.		
34	Trần Mạnh Quỳnh	7,0	4,0	9,0			7,3	9,0	7,7	Học khá, có cố gắng.		
36	Dương Tấn Sang	7,0	7,0	8,0			8,0	8,3	7,9	Học khá, có cố gắng.		
37	Nguyễn Minh Tâm	9,0	9,0	8,0			4,8	7,5	7,3	Học khá, có cố gắng.		
38	Huỳnh Quốc Thịnh	9,0	6,0	8,0			9,0	7,5	7,9	Học khá, có cố gắng.		
39	Trương Ngọc Phương Thủy	9,0	5,0	6,0			6,5	7,5	6,9	Học khá, có cố gắng.		
40	Lương Khánh Trình	7,0	7,0	8,0			7,8	8,3	7,8	Học khá, có cố gắng.		
41	Phạm Nguyễn Khánh Trung	8,0	5,0	8,0			9,0	7,8	7,8	Học khá, có cố gắng.		
42	Nguyễn Việt Trường	8,0	6,0	8,0			9,0	9,0	8,4	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
43	Nguyễn Minh Tuấn	7,0	4,0	8,0			5,3	7,8	6,6	Học khá, có cố gắng.		
44	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	7,0	6,0	8,0			5,5	5,5	6,1	Học được, cần cố gắng hơn.		
45	Nguyễn Ngọc Như Ý	7,0	7,0	8,0			8,5	8,5	8,1	Chăm, ngoan, có ý thức học tập tốt.		
46	Châu Thị Ngọc Yến											

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Lệ Huyền

HỌC KỲ I

Ngoại ngữ 1 (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú
1	Nguyễn Ngọc An	8,0	5,5	9,0	6,5		7,0	6,9	7,1	Học khá tốt
2	Nguyễn Quốc Kỳ Anh	5,0	6,0	7,0	7,5		5,5	5,0	5,7	Có cố gắng
3	Cao Hoài Ân	6,0	6,0	7,0	7,0		6,0	4,7	5,8	Có cố gắng
4	Phan Hoài Ân	4,0	8,0	8,0	6,0		5,8	5,8	6,1	Có cố gắng
5	Võ Trọng Ân	5,0	6,5	7,0	4,5		4,8	5,4	5,4	Có cố gắng
6	Trần Dương Gia Bảo	7,0	6,0	8,0	8,0		6,5	5,7	6,6	Học khá tốt
7	Châu Huỳnh Tấn Bảo	1,0	3,0	7,0	7,0		5,3	4,2	4,6	Cần cố gắng nhiều hơn
8	Huỳnh Lê Ngọc Diễm	8,0	6,5	9,0	8,0		6,5	6,9	7,2	Học khá tốt
9	Nguyễn Anh Duy	7,0	5,5	7,0	6,0		5,3	4,6	5,5	Có cố gắng
10	Võ Lê Mỹ Duyên	8,0	5,5	8,0	8,5		8,0	7,1	7,5	Học khá tốt
11	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	8,0	6,5	9,0	6,5		5,8	6,7	6,9	Học khá tốt
12	Lê Thành Đạt	7,0	6,5	7,0	6,5		5,0	4,8	5,7	Có cố gắng
13	Đặng Ngọc Hà	8,0	6,0	8,0	7,0		8,0	5,7	6,9	Học khá tốt
14	Phan Thị Hồng Hạnh	1,0	6,5	1,0	6,5		4,0	4,3	4,0	Cần cố gắng nhiều hơn
15	Phan Thị Thanh Hằng	8,0	7,0	8,0	9,0		8,0	7,9	8,0	Học khá tốt
16	Phạm Minh Hiền	6,0	3,0	9,0	7,5		5,8	6,0	6,1	Có cố gắng
17	Nguyễn An Khang	10,0	6,0	9,0	6,0		5,8	6,4	6,9	Học khá tốt
18	Nguyễn Trần Thành Khang	8,0	8,0	8,0	7,5		6,8	5,4	6,8	Học khá tốt
19	Nguyễn Nhựt Khánh	5,0	7,5	8,0	7,0		5,3	5,3	6,0	Có cố gắng
20	Trần Thị Mộng Kiều	8,0	7,0	9,0	6,5		5,5	6,7	6,8	Học khá tốt
21	Trần Thị Thúy Kiều	8,0	6,5	8,0	7,0		6,0	5,8	6,5	Có cố gắng
22	Huỳnh Lê Kỳ	7,0	5,5	8,0	6,0		4,5	4,5	5,4	Có cố gắng
23	Lê Hoàng Long	7,0	6,0	6,0	7,5		4,5	4,5	5,4	Có cố gắng
24	Nguyễn Hoàng Phi Long	8,0	8,5	8,0	7,5		8,0	5,8	7,3	Học khá tốt
25	Lê Thị Thuý Mai	9,0	5,0	8,0	6,0		6,8	6,8	6,9	Học khá tốt
26	Nguyễn Thị Diễm My	8,0	6,5	9,0	8,0		6,8	7,4	7,5	Học khá tốt
27	Nguyễn Ngọc Thanh Ngân	3,0	7,0	8,0	9,0		7,5	6,2	6,7	Học khá tốt
28	Nguyễn Trúc Nhi	8,0	8,0	9,0	6,5		7,5	7,0	7,5	Học khá tốt
29	Vũ Hoàng Phúc	7,0	5,0	7,0	5,0		5,3	4,6	5,4	Có cố gắng
29	Nguyễn Hoàng Phúc									
30	Lâm Hoàng Kim Phụng	8,0	6,0	4,0	8,0		4,0	5,6	5,6	Có cố gắng
31	Nguyễn Thanh Phúc									
32	Phan Thị Thúy Phương	10,0	9,0	9,0	9,0		7,5	7,0	8,1	Học giỏi, chăm ngoan
33	Đặng Nhựt Quy	8,0	8,0	7,0	8,0		6,5	5,4	6,7	Học khá tốt
34	Trần Mạnh Quỳnh	7,0	6,0	7,0	6,5		6,5	6,0	6,4	Có cố gắng
36	Dương Tấn Sang	8,0	6,5	8,0	6,5		5,5	5,3	6,2	Có cố gắng
37	Nguyễn Minh Tâm	8,0	6,0	7,0	6,0		8,0	5,8	6,7	Học khá tốt
38	Huỳnh Quốc Thịnh	8,0	5,5	7,0	6,5		4,3	5,0	5,6	Có cố gắng
39	Trương Ngọc Phương Thủy	8,0	8,0	8,0	8,0		8,3	6,4	7,5	Học khá tốt
40	Lương Khánh Trình	8,0	7,5	8,0	6,5		7,8	7,6	7,6	Học khá tốt
41	Phạm Nguyễn Khánh Trung	6,0	8,0	7,0	5,5		5,8	5,3	6,0	Có cố gắng
42	Nguyễn Việt Trường	8,0	7,0	9,0	6,0		5,8	5,4	6,4	Có cố gắng
43	Nguyễn Minh Tuấn	8,0	6,0	8,0	6,0		7,3	6,0	6,7	Học khá tốt
44	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	8,0	7,5	8,0	9,0		8,3	7,7	8,0	Học khá tốt
45	Nguyễn Ngọc Như Ý	8,0	6,0	9,0	8,5		7,3	7,6	7,7	Học khá tốt
46	Châu Thị Ngọc Yến									

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Lê Thị Hồng Thủy

Giáo Dục Quốc Phòng

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

trang 25/48

Công nghệ trồng trọt HỌC KỲ I (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)											
STT	Họ và tên	ĐDGTx					ĐDGGk	ĐDGGck	ĐTB mhhk	Ghi Chú	
1	Nguyễn Ngọc An	8,0	8,0	6,0			8,0	6,5	7,2	Học khá	
2	Nguyễn Quốc Kỳ Anh	8,0	8,0	9,0			10,0	5,0	7,5	Học khá	
3	Cao Hoài Ân	8,0	10,0	10,0			9,0	6,5	8,2	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.	
4	Phan Hoài Ân	8,0	7,0	10,0			10,0	5,0	7,5	Học khá	
5	Võ Trọng Ân	8,0	9,0	10,0			10,0	8,0	8,9	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.	
6	Trần Dương Gia Bảo	8,0	10,0	9,0			8,0	3,5	6,7	Học trung bình, cần cố gắng hơn	
7	Châu Huỳnh Tấn Bảo	8,0	8,0	9,0			10,0	5,5	7,7	học khá	
8	Huỳnh Lê Ngọc Diễm	8,0	10,0	10,0			9,5	4,5	7,6	Học khá	
9	Nguyễn Anh Duy	8,0	9,0	9,0			10,0	8,5	8,9	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.	
10	Võ Lê Mỹ Duyên	8,0	9,0	10,0			9,0	7,5	8,4	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.	
11	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	8,0	10,0	10,0			8,0	8,0	8,5	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.	
12	Lê Thành Đạt	8,0	7,0	8,0			9,0	6,0	7,4	Học khá	
13	Đặng Ngọc Hà	8,0	9,0	10,0			9,0	7,5	8,4	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.	
14	Phan Thị Hồng Hạnh	8,0	10,0	9,0			9,0	8,5	8,8	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.	
15	Phan Thị Thanh Hằng	8,0	10,0	10,0			9,0	7,5	8,6	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.	
16	Phạm Minh Hiền	8,0	9,0	10,0			10,0	8,0	8,9	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.	
17	Nguyễn An Khang	8,0	9,0	7,0			9,0	8,0	8,3	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt	
18	Nguyễn Trần Thành Khang	8,0	9,0	8,0			9,0	3,5	6,7	Học trung bình, cần cố gắng hơn	
19	Nguyễn Nhựt Khánh	8,0	10,0	9,0			10,0	8,5	9,1	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.	
20	Trần Thị Mộng Kiều	8,0	10,0	10,0			8,0	8,0	8,5	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.	
21	Trần Thị Thúy Kiều	8,0	10,0	10,0			9,0	8,0	8,8	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.	
22	Huỳnh Lê Kỳ	8,0	8,0	10,0			10,0	5,0	7,6	Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.	
23	Lê Hoàng Long	8,0	9,0	9,0			8,0	7,0	7,9	Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.	
24	Nguyễn Hoàng Phi Long	8,0	9,0	9,0			8,0	5,0	7,1	Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.	
25	Lê Thị Thuý Mai	8,0	10,0	10,0			9,5	6,0	8,1	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt	
26	Nguyễn Thị Diễm My	8,0	10,0	8,0			9,5	7,0	8,3	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt	
27	Nguyễn Ngọc Thanh Ngân	8,0	9,0	10,0			8,0	7,5	8,2	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt	
28	Nguyễn Trúc Nhi	8,0	10,0	10,0			8,0	9,0	8,9	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.	
29	Vũ Hoàng Phúc	8,0	10,0	10,0			9,0	7,0	8,4	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt	
29	Nguyễn Hoàng Phúc										
30	Lâm Hoàng Kim Phụng	8,0	8,0	6,0			8,0	8,0	7,8	Học khá	
34	Nguyễn Thanh Phúc										
32	Phan Thị Thúy Phương	8,0	10,0	10,0			9,5	6,0	8,1	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt	
33	Đặng Nhựt Quy	8,0	8,0	8,0			8,0	3,5	6,3	Học trung bình, cần cố gắng hơn	
34	Trần Mạnh Quỳnh	8,0	8,0	10,0			8,0	4,0	6,8	Học trung bình, cần cố gắng hơn	
36	Dương Tấn Sang	8,0	10,0	10,0			10,0	8,0	9,0	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.	
37	Nguyễn Minh Tâm	8,0	9,0	10,0			9,0	8,0	8,6	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.	
38	Huỳnh Quốc Thịnh	8,0	10,0	9,0			9,0	5,5	7,7	Học khá	
39	Trương Ngọc Phương Thủy	8,0	10,0	10,0			9,0	8,5	8,9	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.	
40	Lương Khánh Trình	8,0	9,0	10,0			9,0	8,5	8,8	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.	
41	Phạm Nguyễn Khánh Trung	8,0	8,0	10,0			8,0	8,0	8,3	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt	
42	Nguyễn Việt Trường	8,0	10,0	10,0			10,0	5,0	7,9	Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.	
43	Nguyễn Minh Tuấn	8,0	10,0	10,0			10,0	8,0	9,0	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.	
44	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	8,0	10,0	9,0			9,0	7,5	8,4	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.	
45	Nguyễn Ngọc Như Ý	8,0	10,0	10,0			9,0	6,0	8,0	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt	
46	Châu Thị Ngọc Yến										

Giáo viên môn học
 (Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Thanh Phong

Giáo dục thể chất HỌC KỲ I (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)										
STT	Họ và tên	Mức đánh giá Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)							Ghi Chú	
		Thường Xuyên				Giữa kỳ	Cuối kỳ	Học kỳ		
1	Nguyễn Ngọc An	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
2	Nguyễn Quốc Kỳ Anh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
3	Cao Hoài Ân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
4	Phan Hoài Ân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
5	Võ Trọng Ân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
6	Trần Dương Gia Bảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
7	Châu Huỳnh Tấn Bảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
8	Huỳnh Lê Ngọc Diễm	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
9	Nguyễn Anh Duy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
10	Võ Lê Mỹ Duyên	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
11	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
12	Lê Thành Đạt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
13	Đặng Ngọc Hà	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
14	Phan Thị Hồng Hạnh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
15	Phan Thị Thanh Hằng	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
16	Phạm Minh Hiền	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
17	Nguyễn An Khang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
18	Nguyễn Trần Thành Khang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
19	Nguyễn Nhựt Khánh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
20	Trần Thị Mộng Kiều	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
21	Trần Thị Thúy Kiều	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
22	Huỳnh Lê Kỳ	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
23	Lê Hoàng Long	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
24	Nguyễn Hoàng Phi Long	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
25	Lê Thị Thuý Mai	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
26	Nguyễn Thị Diễm My	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
27	Nguyễn Ngọc Thanh Ngân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
28	Nguyễn Trúc Nhi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
29	Vũ Hoàng Phúc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
29	Nguyễn Hoàng Phúc									
30	Lâm Hoàng Kim Phụng	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
31	Nguyễn Thanh Phúc									
32	Phan Thị Thúy Phương	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
33	Đặng Nhựt Quy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
34	Trần Mạnh Quỳnh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
36	Dương Tấn Sang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
37	Nguyễn Minh Tâm	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
38	Huỳnh Quốc Thịnh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
39	Trương Ngọc Phương Thủy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
40	Lương Khánh Trình	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
41	Phạm Nguyễn Khánh Trung	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
42	Nguyễn Việt Trường	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
43	Nguyễn Minh Tuấn	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
44	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm, ngoan, tích cực trong giờ học!
45	Nguyễn Ngọc Như Ý	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học tốt, chăm ngoan.
46	Châu Thị Ngọc Yến									

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Hồng Hải

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

trang 28/48

STT	Họ và tên	Mức đánh giá Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)								Ghi Chú
		Thường Xuyên					Giữa kỳ	Cuối kỳ	Học kỳ	
1	Nguyễn Ngọc An	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Có ý thức học tập, ngoan
2	Nguyễn Quốc Kỳ Anh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hoạt động
3	Cao Hoài Ân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hoạt động
4	Phan Hoài Ân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Có ý thức học tập, ngoan
5	Võ Trọng Ân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực trong học tập
6	Trần Dương Gia Bảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hoạt động
7	Châu Huỳnh Tấn Bảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hoạt động
8	Huỳnh Lê Ngọc Diễm	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Có ý thức học tập, ngoan
9	Nguyễn Anh Duy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hoạt động
10	Võ Lê Mỹ Duyên	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Có ý thức học tập, ngoan
11	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Có ý thức học tập, ngoan
12	Lê Thành Đạt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hoạt động
13	Đặng Ngọc Hà	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Có ý thức học tập, ngoan
14	Phan Thị Hồng Hạnh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Có ý thức học tập, ngoan
15	Phan Thị Thanh Hằng	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hoạt động tích cực, ngoan
16	Phạm Minh Hiền	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Có ý thức học tập, ngoan
17	Nguyễn An Khang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hoạt động
18	Nguyễn Trần Thành Khang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hoạt động
19	Nguyễn Nhựt Khánh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hoạt động
20	Trần Thị Mộng Kiều	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Có ý thức học tập, ngoan
21	Trần Thị Thúy Kiều	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Có ý thức học tập, ngoan
22	Huỳnh Lê Kỳ	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hoạt động
23	Lê Hoàng Long	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hoạt động
24	Nguyễn Hoàng Phi Long	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Có ý thức học tập, ngoan
25	Lê Thị Thuý Mai	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Có ý thức học tập, ngoan
26	Nguyễn Thị Diễm My	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hoạt động tích cực, ngoan
27	Nguyễn Ngọc Thanh Ngân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Có ý thức học tập, ngoan
28	Nguyễn Trúc Nhi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hoạt động tích cực, ngoan
29	Vũ Hoàng Phúc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hoạt động
29	Nguyễn Hoàng Phúc									
30	Lâm Hoàng Kim Phụng	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hoạt động
31	Nguyễn Thanh Phúc									
32	Phan Thị Thúy Phương	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Có ý thức học tập, ngoan
33	Đặng Nhựt Quy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hoạt động
34	Trần Mạnh Quỳnh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hoạt động
36	Dương Tấn Sang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Có ý thức học tập, ngoan
37	Nguyễn Minh Tâm	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Có ý thức học tập, ngoan
38	Huỳnh Quốc Thịnh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Có ý thức học tập, ngoan
39	Trương Ngọc Phương Thủy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học giỏi, ngoan
40	Lương Khánh Trinh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Học giỏi, ngoan
41	Phạm Nguyễn Khánh Trung	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Có ý thức học tập, ngoan
42	Nguyễn Việt Trường	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hoạt động
43	Nguyễn Minh Tuấn	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hoạt động
44	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Có ý thức học tập, ngoan
45	Nguyễn Ngọc Như Ý	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Có ý thức học tập, ngoan
46	Châu Thị Ngọc Yến									

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Thanh Phong

TỔNG HỢP HỌC KỲ I

Số T T	Họ và tên	Môn học đánh giá bằng nhận xét			Môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số									Kết quả học tập	Kết quả rèn luyện
		Giáo dục thể chất	Giáo dục địa phương	HDTrN- HN	Toán	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Ngữ văn	Lịch sử	Ngoại ngữ 1	Giáo Dục Quốc Phong	Công nghệ trồng trọt		
1	Nguyễn Ngọc An	Đ	Đ	Đ	5,8	7,5	6,9	6,5	6,2	6,4	7,1	6,8	7,2	K	T
2	Nguyễn Quốc Kỳ Anh	Đ	Đ	Đ	5,9	6,9	6,8	5,7	5,2	5,8	5,7	7,7	7,5	Đ	T
3	Cao Hoài Ân	Đ	Đ	Đ	6,7	8,7	7,5	6,8	6,1	8,1	5,8	7,3	8,2	K	T
4	Phan Hoài Ân	Đ	Đ	Đ	6,5	8,0	7,4	7,2	6,2	7,6	6,1	6,7	7,5	K	T
5	Võ Trọng Ân	Đ	Đ	Đ	5,4	6,2	7,7	6,0	6,1	5,6	5,4	7,1	8,9	Đ	T
6	Trần Dương Gia Bảo	Đ	Đ	Đ	7,8	8,8	9,2	8,1	5,8	8,1	6,6	8,4	6,7	K	T
7	Châu Huỳnh Tấn Bảo	Đ	Đ	Đ	6,0	6,9	7,6	7,1	6,7	8,2	4,6	7,8	7,7	Đ	T
8	Huỳnh Lê Ngọc Diễm	Đ	Đ	Đ	6,1	8,8	8,6	7,8	7,4	8,5	7,2	8,3	7,6	K	T
9	Nguyễn Anh Duy	Đ	Đ	Đ	6,3	7,0	7,8	7,6	5,9	8,1	5,5	7,0	8,9	K	T
10	Vô Lê Mỹ Duyên	Đ	Đ	Đ	8,3	8,2	9,0	7,4	5,2	7,2	7,5	8,0	8,4	K	T
11	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	Đ	Đ	Đ	6,8	7,5	6,1	6,2	5,8	7,7	6,9	7,0	8,5	K	T
12	Lê Thành Đạt	Đ	Đ	Đ	6,2	7,1	7,4	7,1	6,1	6,6	5,7	6,6	7,4	K	T
13	Đặng Ngọc Hà	Đ	Đ	Đ	7,3	8,1	8,7	7,6	5,7	8,6	6,9	8,1	8,4	K	T
14	Phan Thị Hồng Hạnh	Đ	Đ	Đ	5,2	6,3	6,7	6,5	5,5	7,0	4,0	6,5	8,8	Đ	T
15	Phan Thị Thanh Hằng	Đ	Đ	Đ	7,4	8,3	8,4	6,1	5,3	8,2	8,0	6,9	8,6	K	T
16	Phạm Minh Hiền	Đ	Đ	Đ	6,3	6,5	6,8	6,3	5,4	7,0	6,1	8,2	8,9	Đ	T
17	Nguyễn An Khang	Đ	Đ	Đ	7,6	8,8	7,8	7,2	7,5	9,2	6,9	8,0	8,3	K	T
18	Nguyễn Trần Thành Khang	Đ	Đ	Đ	6,0	7,8	9,2	7,9	5,9	7,3	6,8	8,0	6,7	K	T
19	Nguyễn Nhựt Khánh	Đ	Đ	Đ	6,4	7,0	6,6	5,2	6,1	6,4	6,0	7,1	9,1	Đ	T
20	Trần Thị Mộng Kiều	Đ	Đ	Đ	7,9	7,5	6,9	7,4	6,2	7,2	6,8	6,8	8,5	K	T
21	Trần Thị Thúy Kiều	Đ	Đ	Đ	5,8	7,2	7,8	6,0	5,9	6,6	6,5	7,7	8,8	K	T
22	Huỳnh Lê Kỳ	Đ	Đ	Đ	5,5	7,1	7,3	5,8	6,2	7,0	5,4	6,6	7,6	Đ	T
23	Lê Hoàng Long	Đ	Đ	Đ	6,5	7,8	6,6	6,2	5,8	6,5	5,4	6,6	7,9	K	T
24	Nguyễn Hoàng Phi Long	Đ	Đ	Đ	5,9	7,9	7,5	6,8	6,6	6,1	7,3	8,5	7,1	K	T
25	Lê Thị Thuý Mai	Đ	Đ	Đ	6,4	8,7	7,9	7,5	7,5	7,0	6,9	8,5	8,1	K	T
26	Nguyễn Thị Diễm My	Đ	Đ	Đ	6,0	7,3	7,8	6,6	6,7	8,0	7,5	7,6	8,3	K	T
27	Nguyễn Ngọc Thanh Ngân	Đ	Đ	Đ	6,4	7,4	8,6	6,4	5,4	7,6	6,7	7,7	8,2	K	T
28	Nguyễn Trúc Nhi	Đ	Đ	Đ	6,6	7,2	6,3	6,6	5,8	7,9	7,5	6,6	8,9	K	T
29	Vũ Hoàng Phúc	Đ	Đ	Đ	7,5	7,6	7,7	6,7	5,3	7,9	5,4	6,7	8,4	K	T
29	Nguyễn Hoàng Phúc														
30	Lâm Hoàng Kim Phụng	Đ	Đ	Đ	6,2	8,8	8,1	6,8	6,2	7,4	5,6	6,6	7,8	K	T
31	Nguyễn Thanh Phúc														
32	Phan Thị Thúy Phương	Đ	Đ	Đ	8,9	8,5	9,1	5,9	6,1	6,4	8,1	7,2	8,1	K	T
33	Đặng Nhựt Quy	Đ	Đ	Đ	7,3	8,2	9,1	8,3	6,3	7,7	6,7	8,4	6,3	K	T
34	Trần Mạnh Quỳnh	Đ	Đ	Đ	7,8	8,0	8,2	7,9	6,2	7,7	6,4	8,3	6,8	K	T
36	Dương Tấn Sang	Đ	Đ	Đ	6,4	8,0	6,8	5,9	5,8	7,9	6,2	7,6	9,0	Đ	T
37	Nguyễn Minh Tâm	Đ	Đ	Đ	6,7	8,3	8,1	6,1	6,4	7,3	6,7	7,0	8,6	K	T
38	Huỳnh Quốc Thịnh	Đ	Đ	Đ	7,7	7,5	7,6	6,8	6,1	7,9	5,6	7,6	7,7	K	T
39	Trương Ngọc Phương Thúy	Đ	Đ	Đ	8,0	8,5	8,7	8,2	6,4	6,9	7,5	8,4	8,9	K	T
40	Lương Khánh Trinh	Đ	Đ	Đ	8,5	9,3	9,6	8,9	5,9	7,8	7,6	9,1	8,8	K	T
41	Phạm Nguyễn Khánh Trung	Đ	Đ	Đ	5,1	6,2	6,3	6,3	5,9	7,8	6,0	7,2	8,3	Đ	T
42	Nguyễn Việt Trường	Đ	Đ	Đ	7,5	9,6	8,9	8,3	6,4	8,4	6,4	8,4	7,9	K	T
43	Nguyễn Minh Tuấn	Đ	Đ	Đ	6,6	8,0	6,7	6,8	6,3	6,6	6,7	7,7	9,0	K	T
44	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Đ	Đ	Đ	6,7	8,0	8,2	6,7	6,3	6,1	8,0	7,3	8,4	K	T
45	Nguyễn Ngọc Như Ý	Đ	Đ	Đ	8,5	7,6	8,3	8,1	6,6	8,1	7,7	8,5	8,0	T	T
46	Châu Thị Ngọc Yến														

Giáo viên chủ nhiệm
Ký và ghi rõ họ tên

Nguyễn Thị Hồng Thảo

PHẦN GHI ĐIỂM

HỌC KỲ II

HỌC KỲ II

Toán (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Nguyễn Ngọc An	4,0	9,0	10,0	9,0	8,0	7,0	5,5	7,1	6.7			Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt.
2	Nguyễn Quốc Kỳ Anh	6,0	8,0	9,0	7,0	9,0	5,0	7,0	7,0	6.6			Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt.
3	Cao Hoài Ân	8,0	7,0	8,0	8,0	9,0	6,8	6,5	7,3	7.1			Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt.
4	Phan Hoài Ân	10,0	8,0	9,0	8,0	9,0	5,8	6,0	7,4	7.1			Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt.
5	Võ Trọng Ân	6,0	8,0	9,0	8,0	7,0	6,3	7,5	7,3	6.7			Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt.
6	Trần Dương Gia Bảo	6,0	9,0	8,0	9,0	8,0	6,5	6,5	7,3	7.5			Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt.
7	Châu Huỳnh Tấn Bảo	6,0	8,0	7,0	9,0	10,0	6,8	7,0	7,5	7.0			Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt.
8	Huỳnh Lê Ngọc Diễm	8,0	9,0	8,0	9,0	8,0	7,3	6,3	7,6	7.1			Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt.
9	Nguyễn Anh Duy	6,0	8,0	7,0	9,0	9,0	6,8	7,8	7,6	7.2			Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt.
10	Võ Lê Mỹ Duyên	10,0	8,0	9,0	9,0	8,0	8,0	6,0	7,8	8.0			Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt.
11	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	8,0	7,0	8,0	9,0	9,0	7,0	9,0	8,2	7.7			Trung thực, sáng tạo, tinh thần hợp tác tốt, ý thức trách nhiệm cao
12	Lê Thành Đạt	6,0	8,0	9,0	8,0	9,0	5,0	7,0	7,1	6.8			Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt.
13	Đặng Ngọc Hà	7,0	10,0	9,0	10,0	8,0	6,8	7,3	8,0	7.8			Trung thực, sáng tạo, tinh thần hợp tác tốt, ý thức trách nhiệm cao
14	Phan Thị Hồng Hạnh	7,0	7,0	8,0	9,0	8,0	5,0	6,5	6,9	6.3			Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt.
15	Phan Thị Thanh Hằng	8,0	8,0	9,0	8,0	7,0	8,3	6,0	7,5	7.5			Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt.
16	Phạm Minh Hiền	6,0	8,0	9,0	8,0	8,0	5,5	5,0	6,5	6.4			Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt.
17	Nguyễn An Khang	6,0	10,0	9,0	9,0	10,0	6,3	6,5	7,6	7.6			Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt.
18	Nguyễn Trần Thành Khang	6,0	8,0	7,0	8,0	9,0	7,3	8,0	7,7	7.1			Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt.
19	Nguyễn Nhựt Khánh	9,0	7,0	8,0	9,0	8,0	6,8	7,3	7,7	7.3			Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt.
20	Trần Thị Mộng Kiều	6,0	8,0	8,0	9,0	8,0	6,8	7,8	7,6	7.7			Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt.
21	Trần Thị Thúy Kiều	5,0	9,0	8,0	9,0	8,0	7,8	6,3	7,4	6.9			Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt.
22	Huỳnh Lê Kỳ	6,0	9,0	9,0	8,0	8,0	5,0	5,3	6,6	6.2			Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt.
23	Lê Hoàng Long	7,0	9,0	8,0	9,0	8,0	7,0	7,3	7,7	7.3			Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt.
24	Nguyễn Hoàng Phi Long	6,0	7,0	9,0	8,0	9,0	5,5	6,5	7,0	6.6			Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt.
25	Lê Thị Thuý Mai	7,0	10,0	9,0	8,0	9,0	6,5	7,8	7,9	7.4			Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt.
26	Nguyễn Thị Diễm My	7,0	10,0	8,0	9,0	9,0	7,8	7,8	8,2	7.5			Trung thực, sáng tạo, tinh thần hợp tác tốt, ý thức trách nhiệm cao
27	Nguyễn Ngọc Thanh Ngân	6,0	8,0	9,0	8,0	9,0	8,3	6,5	7,6	7.2			Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt.
28	Nguyễn Trúc Nhi	6,0	9,0	8,0	9,0	8,0	6,8	8,3	7,9	7.5			Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt.
29	Vũ Hoàng Phúc	10,0	9,0	8,0	7,0	9,0	7,0	7,0	7,8	7.7			Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt.
29	Nguyễn Hoàng Phúc												
30	Lâm Hoàng Kim Phụng	7,0	8,0	8,0	8,0	7,0	5,0	5,3	6,4	6.3			Ngoan ngoan, lễ phép, hòa đồng với bạn bè.
31	Nguyễn Thanh Phúc												
32	Phan Thị Thúy Phương	7,0	10,0	9,0	8,0	10,0	9,3	8,8	8,9	8.9			Trung thực, sáng tạo, tinh thần hợp tác tốt, ý thức trách nhiệm cao
33	Đặng Nhựt Quy	6,0	8,0	9,0	8,0	9,0	6,0	7,8	7,5	7.4			Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt.
34	Trần Mạnh Quỳnh	6,0	8,0	10,0	9,0	8,0	5,5	6,0	7,0	7.3			Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt.
36	Dương Tấn Sang	7,0	9,0	8,0	9,0	8,0	6,0	8,0	7,7	7.3			Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt.
37	Nguyễn Minh Tâm	8,0	9,0	8,0	7,0	9,0	6,3	8,8	8,0	7.6			Trung thực, sáng tạo, tinh thần hợp tác tốt, ý thức trách nhiệm cao
38	Huỳnh Quốc Thịnh	10,0	9,0	8,0	10,0	8,0	7,0	6,8	7,9	7.8			Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt.
39	Trương Ngọc Phương Thúy	10,0	10,0	9,0	9,0	8,0	7,0	7,0	8,1	8.1			Trung thực, sáng tạo, tinh thần hợp tác tốt, ý thức trách nhiệm cao
40	Lương Khánh Trình	5,0	8,0	9,0	8,0	9,0	7,8	8,5	8,0	8.2			Trung thực, sáng tạo, tinh thần hợp tác tốt, ý thức trách nhiệm cao
41	Phạm Nguyễn Khánh Trung	7,0	8,0	7,0	8,0	9,0	6,3	5,3	6,8	6.2			Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt.
42	Nguyễn Việt Trường	10,0	9,0	8,0	7,0	9,0	7,3	10,0	8,8	8.4			Trung thực, sáng tạo, tinh thần hợp tác tốt, ý thức trách nhiệm cao
43	Nguyễn Minh Tuấn	7,0	8,0	7,0	9,0	8,0	8,0	7,3	7,7	7.3			Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt.
44	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	10,0	8,0	9,0	9,0	8,0	9,3	6,5	8,2	7.7			Trung thực, sáng tạo, tinh thần hợp tác tốt, ý thức trách nhiệm cao
45	Nguyễn Ngọc Như Ý	10,0	9,0	8,0	9,0	8,0	8,3	5,8	7,8	8.0			Chăm chỉ, trung thực, tinh thần tập thể tốt.
46	Châu Thị Ngọc Yến												

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Hồng Thảo

Vật lý HỌC KỲ II (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐDGTx					ĐDGGk	ĐDGGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Nguyễn Ngọc An	8,0	8,0	9,0	8,0		7,0	5,5	7,1	7.2			Học khá, có cố gắng trong học tập
2	Nguyễn Quốc Kỳ Anh	9,0	9,0	9,0	5,0		7,0	6,8	7,4	7.2			Học khá, có cố gắng trong học tập
3	Cao Hoài Ân	9,0	10,0	9,0	10,0		8,0	6,8	8,3	8.4			Chăm ngoan, học giỏi
4	Phan Hoài Ân	9,0	10,0	10,0	8,0		8,0	5,5	7,7	7.8			Học khá, có cố gắng trong học tập
5	Võ Trọng Ân	9,0	8,0	9,0	9,0		8,3	6,8	8,0	7.4			Chăm ngoan, học giỏi
6	Trần Dương Gia Bảo	8,0	10,0	9,0	10,0		7,0	9,8	8,9	8.9			Chăm ngoan, học giỏi
7	Châu Huỳnh Tấn Bảo	9,0	9,0	9,0	8,0		9,3	4,3	7,4	7.2			Học khá, có cố gắng trong học tập
8	Huỳnh Lê Ngọc Diễm	9,0	10,0	10,0	10,0		7,5	8,8	8,9	8.9			Chăm ngoan, học giỏi
9	Nguyễn Anh Duy	9,0	8,0	9,0	9,0		7,5	7,8	8,2	7.8			Chăm ngoan, học giỏi
10	Võ Lê Mỹ Duyên	9,0	10,0	9,0	10,0		8,0	7,3	8,4	8.3			Chăm ngoan, học giỏi
11	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	8,0	10,0	9,0	8,0		7,3	5,0	7,2	7.3			Học khá, có cố gắng trong học tập
12	Lê Thành Đạt	9,0	8,0	9,0	9,0		7,3	5,3	7,3	7.2			Học khá, có cố gắng trong học tập
13	Đặng Ngọc Hà	8,0	10,0	9,0	10,0		8,0	7,5	8,4	8.3			Chăm ngoan, học giỏi
14	Phan Thị Hồng Hạnh	9,0	9,0	9,0	8,0		7,0	5,5	7,3	7.0			Học khá, có cố gắng trong học tập
15	Phan Thị Thanh Hằng	8,0	10,0	9,0	9,0		8,3	7,3	8,3	8.3			Chăm ngoan, học giỏi
16	Phạm Minh Hiền	9,0	8,0	9,0	8,0		8,0	4,8	7,2	7.0			Học khá, có cố gắng trong học tập
17	Nguyễn An Khang	10,0	9,0	9,0	10,0		8,5	6,5	8,3	8.5			Chăm ngoan, học giỏi
18	Nguyễn Trần Thành Khang	8,0	10,0	9,0	9,0		8,8	8,0	8,6	8.3			Chăm ngoan, học giỏi
19	Nguyễn Nhựt Khánh	8,0	8,0	9,0	7,0		7,8	5,8	7,2	7.1			Học khá, có cố gắng trong học tập
20	Trần Thị Mộng Kiều	8,0	10,0	9,0	8,0		7,5	7,3	8,0	7.8			Chăm ngoan, học giỏi
21	Trần Thị Thúy Kiều	7,0	10,0	9,0	8,0		7,0	6,0	7,3	7.3			Học khá, có cố gắng trong học tập
22	Huỳnh Lê Kỳ	9,0	9,0	9,0	8,0		7,7	3,0	6,6	6.8			Học đạt, chú ý hơn trong học tập
23	Lê Hoàng Long	8,0	8,0	10,0	8,0		8,3	4,0	7,0	7.3			Học khá, có cố gắng trong học tập
24	Nguyễn Hoàng Phi Long	5,0	7,0	9,0	8,0		7,0	7,5	7,3	7.5			Học khá, có cố gắng trong học tập
25	Lê Thị Thuý Mai	9,0	10,0	10,0	8,0		9,0	7,0	8,4	8.5			Chăm ngoan, học giỏi
26	Nguyễn Thị Diễm My	8,0	8,0	10,0	8,0		8,0	7,0	7,9	7.7			Học khá, có cố gắng trong học tập
27	Nguyễn Ngọc Thanh Ngân	9,0	7,0	10,0	10,0		8,5	6,0	7,9	7.7			Học khá, có cố gắng trong học tập
28	Nguyễn Trúc Nhi	8,0	8,0	9,0	8,0		7,5	5,8	7,3	7.3			Học khá, có cố gắng trong học tập
29	Vũ Hoàng Phúc	8,0	10,0	9,0	10,0		8,8	4,3	7,5	7.5			Học khá, có cố gắng trong học tập
29	Nguyễn Hoàng Phúc												
30	Lâm Hoàng Kim Phụng	10,0	9,0	9,0	10,0		9,0	6,5	8,4	8.5			Chăm ngoan, học giỏi
31	Nguyễn Thanh Phúc												
32	Phan Thị Thúy Phương	9,0	9,0	9,0	9,0		8,0	8,0	8,4	8.4			Chăm ngoan, học giỏi
33	Đặng Nhựt Quy	8,0	9,0	9,0	10,0		8,0	7,8	8,4	8.3			Chăm ngoan, học giỏi
34	Trần Mạnh Quỳnh	8,0	9,0	9,0	10,0		7,5	8,3	8,4	8.3			Chăm ngoan, học giỏi
36	Dương Tấn Sang	9,0	8,0	9,0	10,0		8,5	5,3	7,7	7.8			Học khá, có cố gắng trong học tập
37	Nguyễn Minh Tâm	9,0	10,0	9,0	7,0		7,0	6,3	7,5	7.8			Học khá, có cố gắng trong học tập
38	Huỳnh Quốc Thịnh	9,0	10,0	9,0	10,0		7,0	6,3	7,9	7.8			Học khá, có cố gắng trong học tập
39	Trương Ngọc Phương Thúy	8,0	10,0	9,0	8,0		8,5	8,3	8,5	8.5			Chăm ngoan, học giỏi
40	Lương Khánh Trinh	9,0	10,0	9,0	10,0		9,5	9,8	9,6	9.5			Chăm ngoan, học tốt
41	Phạm Nguyễn Khánh Trung	9,0	9,0	9,0	8,0		7,5	4,3	7,0	6.7			Học khá, có cố gắng trong học tập
42	Nguyễn Việt Trường	9,0	10,0	10,0	10,0		9,5	9,3	9,5	9.5			Chăm ngoan, học tốt
43	Nguyễn Minh Tuấn	9,0	10,0	9,0	8,0		7,0	5,3	7,3	7.5			Học khá, có cố gắng trong học tập
44	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	8,0	10,0	9,0	10,0		8,3	8,0	8,6	8.4			Chăm ngoan, học giỏi
45	Nguyễn Ngọc Như Ý	9,0	10,0	9,0	10,0		8,0	8,3	8,8	8.4			Chăm ngoan, học giỏi
46	Châu Thị Ngọc Yến												

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Tấn Phương

Học kỳ II Hóa học (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Nguyễn Ngọc An	8,0	8,0	8,0	9,0		5,0	9,3	7,9	7.6			Học khá. Chăm, ngoan
2	Nguyễn Quốc Kỳ Anh	7,0	7,0	8,0	8,0		4,0	7,8	6,8	6.8			Học khá. Chăm, ngoan
3	Cao Hoài Ân	8,0	8,0	8,0	9,0		7,5	8,8	8,3	8.0			Học tốt. Chăm, ngoan
4	Phan Hoài Ân	8,0	8,0	8,0	9,0		4,0	9,5	7,7	7.6			Học khá. Chăm, ngoan
5	Võ Trọng Ân	7,0	7,0	7,0	8,0		4,0	7,3	6,5	6.9			Học khá. Chăm, ngoan
6	Trần Dương Gia Bảo	9,0	9,0	8,0	9,0		9,0	9,8	9,2	9.2			Học tốt. Chăm, ngoan
7	Châu Huỳnh Tấn Bảo	8,0	7,0	7,0	8,0		7,0	8,8	7,8	7.7			Học khá. Chăm, ngoan
8	Huỳnh Lê Ngọc Diễm	9,0	8,0	8,0	9,0		8,0	9,3	8,7	8.7			Học tốt. Chăm, ngoan
9	Nguyễn Anh Duy	8,0	7,0	8,0	8,0		8,5	7,0	7,7	7.7			Học khá. Chăm, ngoan
10	Võ Lê Mỹ Duyên	10,0	8,0	10,0	9,0		10,0	9,8	9,6	9.4			Học tốt. Chăm, ngoan
11	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	8,0	9,0	8,0	9,0		4,0	6,8	6,9	6.6			Học khá. Chăm, ngoan
12	Lê Thành Đạt	8,0	7,0	8,0	8,0		4,0	6,3	6,4	6.7			Ngoan, có cố gắng
13	Đặng Ngọc Hà	9,0	7,0	8,0	8,0		9,5	9,3	8,8	8.8			Học tốt. Chăm, ngoan
14	Phan Thị Hồng Hạnh	9,0	7,0	8,0	8,0		7,0	5,8	7,0	6.9			Học khá. Chăm, ngoan
15	Phan Thị Thanh Hằng	8,0	8,0	9,0	9,0		9,0	9,3	8,9	8.7			Học tốt. Chăm, ngoan
16	Phạm Minh Hiền	7,0	7,0	7,0	8,0		4,0	5,0	5,8	6.1			Ngoan, hiền
17	Nguyễn An Khang	8,0	8,0	8,0	9,0		7,5	7,5	7,8	7.8			Học khá. Chăm, ngoan
18	Nguyễn Trần Thành Khang	9,0	8,0	8,0	9,0		6,5	9,8	8,5	8.7			Học tốt. Chăm, ngoan
19	Nguyễn Nhật Khánh	7,0	7,0	8,0	8,0		4,5	5,8	6,3	6.4			Học khá. Chăm, ngoan
20	Trần Thị Mộng Kiều	9,0	9,0	8,0	9,0		8,0	9,3	8,8	8.2			Học tốt. Chăm, ngoan
21	Trần Thị Thúy Kiều	10,0	8,0	9,0	8,0		7,0	8,8	8,4	8.2			Học tốt. Chăm, ngoan
22	Huỳnh Lê Kỳ	9,0	8,0	8,0	8,0		5,5	6,0	6,9	7.0			Học khá. Chăm, ngoan
23	Lê Hoàng Long	8,0	8,0	9,0	9,0		4,0	7,8	7,3	7.1			Học khá. Chăm, ngoan
24	Nguyễn Hoàng Phi Long	7,0	8,0	7,0	7,0		4,0	8,8	7,0	7.2			Học khá. Chăm, ngoan
25	Lê Thị Thuý Mai	8,0	9,0	8,0	8,0		7,5	8,8	8,3	8.2			Học tốt. Chăm, ngoan
26	Nguyễn Thị Diễm My	8,0	8,0	9,0	9,0		8,5	9,0	8,7	8.4			Học tốt. Chăm, ngoan
27	Nguyễn Ngọc Thanh Ngân	8,0	9,0	9,0	8,0		5,0	9,8	8,2	8.3			Học tốt. Chăm, ngoan
28	Nguyễn Trúc Nhi	8,0	8,0	9,0	9,0		6,0	7,0	7,4	7.0			Học khá. Chăm, ngoan
29	Vũ Hoàng Phúc	9,0	8,0	8,0	9,0		7,5	8,8	8,4	8.2			Học tốt. Chăm, ngoan
29	Nguyễn Hoàng Phúc												
30	Lâm Hoàng Kim Phụng	10,0	9,0	10,0	10,0		10,0	8,8	9,5	9.0			Học tốt. Chăm, ngoan
31	Nguyễn Thanh Phúc												
32	Phan Thị Thúy Phương	9,0	10,0	10,0	10,0		9,5	9,8	9,7	9.5			Học tốt. Chăm, ngoan
33	Đặng Nhật Quy	8,0	8,0	9,0	9,0		6,5	9,8	8,5	8.7			Học tốt. Chăm, ngoan
34	Trần Mạnh Quỳnh	8,0	8,0	9,0	9,0		9,0	9,8	9,0	8.7			Học tốt. Chăm, ngoan
36	Dương Tấn Sang	8,0	7,0	9,0	8,0		7,0	6,8	7,4	7.2			Học khá. Chăm, ngoan
37	Nguyễn Minh Tâm	9,0	8,0	8,0	9,0		6,0	9,5	8,3	8.2			Học tốt. Chăm, ngoan
38	Huỳnh Quốc Thịnh	7,0	7,0	8,0	8,0		6,0	7,5	7,2	7.3			Học khá. Chăm, ngoan
39	Trương Ngọc Phương Thúy	8,0	8,0	9,0	8,0		8,5	9,8	8,8	8.8			Học tốt. Chăm, ngoan
40	Lương Khánh Trinh	9,0	9,0	9,0	9,0		9,0	9,8	9,3	9.4			Học tốt. Chăm, ngoan
41	Phạm Nguyễn Khánh Trung	7,0	7,0	8,0	8,0		7,5	8,3	7,8	7.3			Học khá. Chăm, ngoan
42	Nguyễn Việt Trường	8,0	9,0	9,0	9,0		10,0	9,8	9,4	9.2			Học tốt. Chăm, ngoan
43	Nguyễn Minh Tuấn	9,0	8,0	8,0	9,0		5,0	8,8	7,8	7.4			Học khá. Chăm, ngoan
44	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	10,0	8,0	9,0	9,0		10,0	10,0	9,6	9.1			Học tốt. Chăm, ngoan
45	Nguyễn Ngọc Như Ý	9,0	8,0	9,0	9,0		8,0	7,8	8,3	8.3			Học tốt. Chăm, ngoan
46	Châu Thị Ngọc Yến												

Giáo viên môn học
 (Ký và ghi rõ họ tên)

Ung Nguyễn Thị Thùy Dương

HỌC KỲ II														
Sinh học		(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)												
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú	
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn		
1	Nguyễn Ngọc An	9,0	7,0	8,0			4,0	7,3	6,7	6.6			Ngoan, hiền.	
2	Nguyễn Quốc Kỳ Anh	0,0	7,0	5,0			7,8	5,8	5,6	5.6			Ngoan.	
3	Cao Hoài Ân	7,0	7,0	9,0			6,0	8,0	7,4	7.2			Ngoan, học khá	
4	Phan Hoài Ân	9,0	7,0	7,0			8,5	8,8	8,3	7.9			Chăm, ngoan, học giỏi.	
5	Võ Trọng Ân	9,0	6,0	8,0			7,5	8,5	7,9	7.3			Chăm, ngoan, học khá	
6	Trần Dương Gia Bảo	10,0	7,0	6,0			8,3	9,8	8,6	8.4			Chăm, ngoan, học giỏi.	
7	Châu Huỳnh Tấn Bảo	0,0	7,0	9,0			7,8	7,5	6,8	6.9			Ngoan, hiền.	
8	Huỳnh Lê Ngọc Diễm	9,0	9,0	9,0			8,3	9,8	9,1	8.7			Chăm, ngoan, học giỏi.	
9	Nguyễn Anh Duy	9,0	7,0	8,0			8,5	8,5	8,3	8.1			Chăm, ngoan, học giỏi	
10	Võ Lê Mỹ Duyên	9,0	7,0	9,0			8,0	9,0	8,5	8.1			Chăm, ngoan, học giỏi	
11	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	9,0	8,0	9,0			7,0	6,8	7,6	7.1			Chăm, ngoan, học khá	
12	Lê Thành Đạt	9,0	6,0	7,0			7,5	7,5	7,4	7.3			Chăm, ngoan, học khá	
13	Đặng Ngọc Hà	9,0	5,0	9,0			8,0	7,3	7,6	7.6			Chăm, ngoan, học khá	
14	Phan Thị Hồng Hạnh	0,0	7,0	9,0			6,0	6,0	5,8	6.0			Ngoan, hiền.	
15	Phan Thị Thanh Hằng	9,0	7,0	9,0			7,0	9,8	8,6	7.8			Chăm, ngoan, học giỏi.	
16	Phạm Minh Hiền	9,0	6,0	7,0			8,0	7,5	7,6	7.2			Chăm, ngoan, học khá	
17	Nguyễn An Khang	9,0	7,0	7,0			7,8	8,0	7,8	7.6			Chăm, ngoan, học khá	
18	Nguyễn Trần Thành Khang	9,0	7,0	8,0			8,3	9,3	8,6	8.4			Chăm, ngoan, học giỏi.	
19	Nguyễn Nhựt Khánh	9,0	6,0	8,0			6,0	7,3	7,1	6.5			Ngoan, học khá	
20	Trần Thị Mộng Kiều	9,0	8,0	9,0			9,0	7,8	8,4	8.1			Chăm, ngoan, học giỏi.	
21	Trần Thị Thúy Kiều	9,0	7,0	9,0			5,0	7,3	7,1	6.7			Chăm, ngoan, học khá	
22	Huỳnh Lê Kỳ	0,0	7,0	7,0			5,5	6,0	5,4	5.5			Ngoan, học khá	
23	Lê Hoàng Long	9,0	5,0	8,0			7,0	8,0	7,5	7.1			Ngoan, học khá	
24	Nguyễn Hoàng Phi Long	9,0	7,0	5,0			5,0	7,8	6,8	6.8			Ngoan, học khá	
25	Lê Thị Thuý Mai	9,0	7,0	9,0			7,5	9,8	8,7	8.3			Chăm, ngoan, học giỏi.	
26	Nguyễn Thị Diễm My	9,0	8,0	7,0			8,0	6,0	7,3	7.1			Ngoan, học khá	
27	Nguyễn Ngọc Thanh Ngân	9,0	8,0	8,0			6,5	9,8	8,4	7.7			Chăm, ngoan, học giỏi	
28	Nguyễn Trúc Nhi	9,0	8,0	9,0			7,5	6,8	7,7	7.3			Ngoan, học khá	
29	Vũ Hoàng Phúc	9,0	7,0	5,0			6,3	9,8	7,9	7.5			Chăm, ngoan, học khá	
29	Nguyễn Hoàng Phúc													
30	Lâm Hoàng Kim Phụng	0,0	7,0	9,0			7,5	7,8	6,8	6.8			Ngoan, hiền.	
31	Nguyễn Thanh Phúc													
32	Phan Thị Thúy Phương	9,0	10,0	7,0			5,3	7,0	7,2	6.8			Ngoan, học khá	
33	Đặng Nhựt Quy	9,0	7,0	8,0			8,0	8,8	8,3	8.3			Chăm, ngoan, học giỏi	
34	Trần Mạnh Quỳnh	10,0	7,0	9,0			7,5	9,0	8,5	8.3			Chăm, ngoan, học giỏi	
36	Dương Tấn Sang	9,0	7,0	8,0			7,5	7,8	7,8	7.2			Chăm, ngoan, học khá	
37	Nguyễn Minh Tâm	9,0	7,0	6,0			6,0	7,5	7,1	6.8			Ngoan, học khá	
38	Huỳnh Quốc Thịnh	8,0	7,0	9,0			6,3	7,5	7,4	7.2			Ngoan, học khá	
39	Trương Ngọc Phương Thúy	10,0	7,0	9,0			8,0	8,3	8,4	8.3			Chăm, ngoan, học giỏi.	
40	Lương Khánh Trinh	10,0	10,0	9,0			9,8	9,5	9,6	9.4			Chăm, ngoan, học giỏi.	
41	Phạm Nguyễn Khánh Trung	0,0	7,0	7,0			7,3	5,0	5,5	5.8			Ngoan.	
42	Nguyễn Việt Trường	9,0	8,0	9,0			9,3	9,8	9,3	9.0			Chăm, ngoan, học giỏi.	
43	Nguyễn Minh Tuấn	9,0	8,0	8,0			7,5	6,3	7,4	7.2			Ngoan, học khá	
44	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	9,0	8,0	9,0			8,3	9,0	8,7	8.0			Chăm, ngoan, học giỏi.	
45	Nguyễn Ngọc Như Ý	9,0	10,0	9,0			8,3	9,5	9,1	8.8			Chăm, ngoan, học giỏi.	
46	Châu Thị Ngọc Yến													

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Thị Liên, Ngô Thị Đồng Trang

HỌC KỲ II														
Ngữ văn (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)														
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú	
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn		
1	Nguyễn Ngọc An	8,0	9,0	7,0	8,0		5,5	5,0	6,4	6.3			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
2	Nguyễn Quốc Kỳ Anh	7,0	5,0	8,0	5,0		4,0	4,5	5,2	5.2			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
3	Cao Hoài Ân	7,0	5,0	8,0	8,0		5,5	5,0	6,0	6.0			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
4	Phan Hoài Ân	7,0	7,0	8,0	7,0		4,5	4,5	5,7	5.9			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
5	Võ Trọng Ân	7,0	5,0	7,0	7,0		5,0	5,5	5,8	5.9			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
6	Trần Dương Gia Bảo	10,0	8,0	8,0	9,0		5,5	4,0	6,4	6.2			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
7	Châu Huỳnh Tấn Bảo	8,0	8,0	8,0	8,0		6,5	5,0	6,7	6.7			Học khá	
8	Huỳnh Lê Ngọc Diễm	9,0	10,0	8,0	8,0		6,5	6,0	7,3	7.3			Học khá	
9	Nguyễn Anh Duy	7,0	6,0	7,0	6,0		4,5	5,0	5,6	5.7			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
10	Võ Lê Mỹ Duyên	7,0	9,0	8,0	8,0		6,0	4,0	6,2	5.9			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
11	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	8,0	8,0	8,0	9,0		6,0	5,0	6,7	6.4			Học khá	
12	Lê Thành Đạt	7,0	6,0	7,0	5,0		4,5	5,0	5,4	5.6			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
13	Đặng Ngọc Hà	9,0	7,0	8,0	9,0		5,0	4,5	6,3	6.1			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
14	Phan Thị Hồng Hạnh	9,0	9,0	8,0	9,0		6,0	4,5	6,7	6.3			Học khá	
15	Phan Thị Thanh Hằng	8,0	9,0	8,0	5,0		5,5	5,0	6,2	5.9			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
16	Phạm Minh Hiền	7,0	6,0	7,0	8,0		5,5	5,5	6,2	5.9			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
17	Nguyễn An Khang	8,0	7,0	8,0	7,0		6,0	6,0	6,7	7.0			Học khá	
18	Nguyễn Trần Thành Khang	7,0	8,0	8,0	7,0		5,5	6,0	6,6	6.4			Học khá	
19	Nguyễn Nhựt Khánh	7,0	7,0	7,0	7,0		5,5	5,5	6,2	6.2			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
20	Trần Thị Mộng Kiều	9,0	9,0	8,0	9,0		6,5	4,5	6,8	6.6			Học khá	
21	Trần Thị Thúy Kiều	7,0	5,0	8,0	7,0		5,0	5,0	5,8	5.8			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
22	Huỳnh Lê Kỳ	6,0	5,0	7,0	4,0		5,0	4,5	5,1	5.5			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
23	Lê Hoàng Long	8,0	5,0	8,0	5,0		4,5	4,5	5,4	5.5			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
24	Nguyễn Hoàng Phi Long	8,0	8,0	7,0	5,0		5,5	5,0	6,0	6.2			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
25	Lê Thị Thuý Mai	9,0	9,0	7,0	9,0		6,0	6,5	7,3	7.4			Học khá	
26	Nguyễn Thị Diễm My	8,0	9,0	8,0	7,0		7,5	5,5	7,1	7.0			Học khá	
27	Nguyễn Ngọc Thanh Ngân	7,0	5,0	7,0	5,0		5,0	4,5	5,3	5.3			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
28	Nguyễn Trúc Nhi	9,0	9,0	7,0	7,0		6,0	5,0	6,6	6.3			Học khá	
29	Vũ Hoàng Phúc	8,0	7,0	8,0	8,0		6,5	5,5	6,7	6.2			Học khá	
29	Nguyễn Hoàng Phúc													
30	Lâm Hoàng Kim Phụng	9,0	10,0	8,0	9,0		6,5	6,0	7,4	7.0			Học khá	
31	Nguyễn Thanh Phúc													
32	Phan Thị Thúy Phương	8,0	8,0	8,0	9,0		5,5	6,5	7,1	6.8			Học khá	
33	Đặng Nhựt Quy	10,0	7,0	8,0	8,0		5,5	5,0	6,6	6.5			Học khá	
34	Trần Mạnh Quỳnh	9,0	8,0	8,0	8,0		5,5	5,0	6,6	6.5			Học khá	
36	Dương Tấn Sang	8,0	6,0	7,0	7,0		5,0	4,0	5,6	5.7			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
37	Nguyễn Minh Tâm	8,0	5,0	8,0	6,0		5,5	5,0	5,9	6.1			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
38	Huỳnh Quốc Thịnh	8,0	8,0	8,0	9,0		5,5	5,5	6,7	6.5			Học khá	
39	Trương Ngọc Phương Thúy	8,0	8,0	9,0	9,0		5,5	4,5	6,5	6.5			Học khá	
40	Lương Khánh Trinh	10,0	10,0	8,0	8,0		6,5	6,0	7,4	6.9			Học khá	
41	Phạm Nguyễn Khánh Trung	6,0	8,0	8,0	5,0		5,0	4,5	5,6	5.7			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
42	Nguyễn Việt Trường	10,0	9,0	8,0	9,0		6,5	6,5	7,6	7.2			Học khá	
43	Nguyễn Minh Tuấn	8,0	5,0	8,0	7,0		5,0	4,5	5,7	5.9			Học được , cố gắng hơn sẽ tiến bộ	
44	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	8,0	9,0	8,0	7,0		7,0	6,0	7,1	6.8			Học khá	
45	Nguyễn Ngọc Như Ý	9,0	10,0	8,0	7,0		6,5	5,5	7,1	6.9			Học khá	
46	Châu Thị Ngọc Yến													

Giáo viên môn học
 (Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Hồng Vân

HỌC KỲ II Lịch sử (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Nguyễn Ngọc An	9,0	10,0	10,0			6,0	10,0	8,9	8.1			Học tốt, chăm ngoan.
2	Nguyễn Quốc Kỳ Anh	9,0	10,0	10,0			6,0	9,5	8,7	7.7			Học tốt, chăm ngoan.
3	Cao Hoài Ân	9,0	9,0	9,0			6,5	8,8	8,3	8.2			Học tốt, chăm ngoan.
4	Phan Hoài Ân	9,0	10,0	10,0			7,3	8,8	8,8	8.4			Học tốt, chăm ngoan.
5	Võ Trọng Ân	9,0	9,0	9,0			6,5	7,5	7,8	7.1			Học khá, chăm ngoan.
6	Trần Dương Gia Bảo	10,0	8,0	8,0			7,5	9,8	8,8	8.6			Học tốt, chăm ngoan.
7	Châu Huỳnh Tấn Bảo	7,0	5,0	10,0			7,5	8,3	7,7	7.9			Học khá, chăm ngoan.
8	Huỳnh Lê Ngọc Diễm	10,0	8,0	8,0			9,3	8,5	8,8	8.7			Học tốt, chăm ngoan.
9	Nguyễn Anh Duy	10,0	9,0	9,0			6,5	8,3	8,2	8.2			Học tốt, chăm ngoan.
10	Võ Lê Mỹ Duyên	10,0	10,0	10,0			5,8	8,5	8,4	8.0			Học tốt, chăm ngoan.
11	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	10,0	10,0	10,0			7,8	9,8	9,4	8.8			Học tốt, chăm ngoan.
12	Lê Thành Đạt	9,0	9,0	9,0			6,5	8,0	8,0	7.5			Học tốt, chăm ngoan.
13	Đặng Ngọc Hà	9,0	9,0	9,0			8,0	9,3	8,9	8.8			Học tốt, chăm ngoan.
14	Phan Thị Hồng Hạnh	6,0	10,0	10,0			6,8	8,0	8,0	7.7			Học tốt, chăm ngoan.
15	Phan Thị Thanh Hằng	10,0	8,0	8,0			8,0	9,3	8,7	8.5			Học tốt, chăm ngoan.
16	Phạm Minh Hiền	9,0	9,0	9,0			5,8	6,8	7,4	7.3			Học khá, chăm ngoan.
17	Nguyễn An Khang	10,0	9,0	9,0			7,5	8,3	8,5	8.7			Học tốt, chăm ngoan.
18	Nguyễn Trần Thành Khang	8,0	8,0	8,0			9,3	9,5	8,9	8.4			Học tốt, chăm ngoan.
19	Nguyễn Nhựt Khánh	10,0	9,0	9,0			6,0	9,0	8,4	7.7			Học tốt, chăm ngoan.
20	Trần Thị Mộng Kiều	10,0	10,0	10,0			8,3	9,8	9,5	8.7			Học tốt, chăm ngoan.
21	Trần Thị Thúy Kiều	8,0	9,0	9,0			6,5	9,8	8,6	7.9			Học tốt, chăm ngoan.
22	Huỳnh Lê Kỳ	7,0	10,0	10,0			6,5	7,8	7,9	7.6			Học khá, chăm ngoan.
23	Lê Hoàng Long	10,0	10,0	10,0			6,3	8,8	8,6	7.9			Học tốt, chăm ngoan.
24	Nguyễn Hoàng Phi Long	7,0	9,0	9,0			5,3	9,3	7,9	7.3			Học khá, chăm ngoan.
25	Lê Thị Thuý Mai	9,0	8,0	8,0			7,5	8,0	8,0	7.7			Học tốt, chăm ngoan.
26	Nguyễn Thị Diễm My	10,0	8,0	8,0			7,8	8,8	8,5	8.3			Học tốt, chăm ngoan.
27	Nguyễn Ngọc Thanh Ngân	10,0	10,0	10,0			5,8	8,8	8,5	8.2			Học tốt, chăm ngoan.
28	Nguyễn Trúc Nhi	9,0	10,0	10,0			6,3	9,8	8,9	8.6			Học tốt, chăm ngoan.
29	Vũ Hoàng Phúc	10,0	10,0	10,0			8,0	8,5	8,9	8.6			Học tốt, chăm ngoan.
29	Nguyễn Hoàng Phúc												
30	Lâm Hoàng Kim Phụng	9,0	10,0	10,0			8,3	8,8	9,0	8.5			Học tốt, chăm ngoan.
31	Nguyễn Thanh Phúc												
32	Phan Thị Thúy Phương	10,0	8,0	8,0			8,3	9,3	8,8	8.0			Học tốt, chăm ngoan.
33	Đặng Nhựt Quy	10,0	10,0	10,0			9,0	9,5	9,6	9.0			Học tốt, chăm ngoan.
34	Trần Mạnh Quỳnh	8,0	10,0	10,0			8,8	8,8	9,0	8.6			Học tốt, chăm ngoan.
36	Dương Tấn Sang	8,0	9,0	9,0			7,5	8,0	8,1	8.0			Học tốt, chăm ngoan.
37	Nguyễn Minh Tâm	7,0	8,0	8,0			5,5	9,0	7,6	7.5			Học khá, chăm ngoan.
38	Huỳnh Quốc Thịnh	9,0	9,0	9,0			6,8	9,0	8,5	8.3			Học tốt, chăm ngoan.
39	Trương Ngọc Phương Thúy	10,0	9,0	9,0			8,3	8,8	8,9	8.2			Học tốt, chăm ngoan.
40	Lương Khánh Trinh	10,0	8,0	8,0			9,5	9,8	9,3	8.8			Học tốt, chăm ngoan.
41	Phạm Nguyễn Khánh Trung	6,0	10,0	10,0			7,5	8,0	8,1	8.0			Học tốt, chăm ngoan.
42	Nguyễn Việt Trường	9,0	10,0	10,0			8,8	9,0	9,2	8.9			Học tốt, chăm ngoan.
43	Nguyễn Minh Tuấn	10,0	8,0	8,0			5,5	8,5	7,8	7.4			Học khá, chăm ngoan.
44	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	10,0	8,0	8,0			6,8	9,5	8,5	7.7			Học tốt, chăm ngoan.
45	Nguyễn Ngọc Như Ý	10,0	10,0	10,0			8,3	9,5	9,4	9.0			Học tốt, chăm ngoan.
46	Châu Thị Ngọc Yến												

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Văn Trọng Trí, Nguyễn Thị Lệ Huyền

HỌC KỲ II Ngọai ngữ 1 (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Nguyễn Ngọc An	10,0	3,5	9,0	6,0		5,3	6,2	6,4	6.6			Có cố gắng
2	Nguyễn Quốc Kỳ Anh	0,0	1,5	3,0	5,0		3,5	6,0	3,8	4.4			Cần cố gắng nhiều hơn
3	Cao Hoài Ân	7,5	2,5	3,0	6,0		4,8	8,8	6,1	6.0			Có cố gắng
4	Phan Hoài Ân	8,5	1,5	3,0	6,0		4,5	7,6	5,6	5.8			Có cố gắng
5	Võ Trọng Ân	5,0	2,0	4,0	7,0		5,3	7,6	5,7	5.6			Có cố gắng
6	Trần Dương Gia Bảo	6,0	4,5	9,0	8,0		8,5	8,8	7,9	7.5			Học khá tốt
7	Châu Huỳnh Tấn Bảo	0,0	1,5	5,0	8,0		5,5	6,0	4,8	4.7			Cần cố gắng nhiều hơn
8	Huỳnh Lê Ngọc Diễm	8,5	2,5	8,0	7,0		5,5	6,6	6,3	6.6			Có cố gắng
9	Nguyễn Anh Duy	5,0	2,5	6,5	7,0		7,3	8,6	6,8	6.4			Học khá tốt
10	Võ Lê Mỹ Duyên	6,0	3,5	9,0	9,0		7,3	8,0	7,3	7.4			Học khá tốt
11	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	10,0	10,0	7,0	8,0		4,8	6,8	7,2	7.1			Học khá tốt
12	Lê Thành Đạt	8,0	1,5	5,0	7,0		5,5	7,4	6,1	6.0			Có cố gắng
13	Đặng Ngọc Hà	6,5	6,5	8,0	8,0		6,8	8,4	7,5	7.3			Học khá tốt
14	Phan Thị Hồng Hạnh	7,5	5,0	9,0	8,0		3,0	7,4	6,4	5.6			Có cố gắng
15	Phan Thị Thanh Hằng	8,0	3,0	9,0	8,0		6,8	9,4	7,8	7.9			Học khá tốt
16	Phạm Minh Hiền	7,0	1,5	5,0	7,0		3,5	7,0	5,4	5.6			Có cố gắng
17	Nguyễn An Khang	8,0	1,0	7,0	8,0		5,0	7,6	6,3	6.5			Có cố gắng
18	Nguyễn Trần Thành Khang	6,0	4,5	5,0	7,0		5,8	5,0	5,5	5.9			Có cố gắng
19	Nguyễn Nhật Khánh	5,0	1,0	7,0	8,0		4,5	6,0	5,3	5.5			Có cố gắng
20	Trần Thị Mộng Kiều	9,0	2,0	8,0	8,0		7,3	9,0	7,6	7.3			Học khá tốt
21	Trần Thị Thúy Kiều	6,0	2,5	9,0	8,0		4,5	7,8	6,4	6.4			Có cố gắng
22	Huỳnh Lê Kỳ	7,0	1,5	5,0	6,0		3,3	5,8	4,8	5.0			Cần cố gắng nhiều hơn
23	Lê Hoàng Long	8,5	3,5	9,0	6,0		5,0	5,0	5,8	5.7			Có cố gắng
24	Nguyễn Hoàng Phi Long	6,0	7,0	4,0	6,0		5,8	7,8	6,4	6.7			Có cố gắng
25	Lê Thị Thuý Mai	10,0	5,5	8,0	9,0		4,8	8,0	7,3	7.2			Học khá tốt
26	Nguyễn Thị Diễm My	9,0	2,0	7,5	8,0		6,3	8,4	7,1	7.2			Học khá tốt
27	Nguyễn Ngọc Thanh Ngân	8,5	6,5	6,0	6,0		5,3	7,2	6,6	6.6			Học khá tốt
28	Nguyễn Trúc Nhi	9,0	4,5	6,0	6,0		5,0	6,4	6,1	6.6			Có cố gắng
29	Vũ Hoàng Phúc	8,5	2,0	5,0	6,0		7,5	9,0	7,1	6.5			Học khá tốt
29	Nguyễn Hoàng Phúc												
30	Lâm Hoàng Kim Phụng	9,0	3,5	9,0	7,0		3,5	5,8	5,9	5.8			Có cố gắng
31	Nguyễn Thanh Phúc												
32	Phan Thị Thủy Phương	8,0	6,5	10,0	9,0		8,3	8,4	8,4	8.3			Học giỏi, chăm ngoan
33	Đặng Nhật Quy	6,0	2,0	7,0	7,0		7,8	8,6	7,0	6.9			Học khá tốt
34	Trần Mạnh Quỳnh	6,0	2,5	8,0	8,0		7,0	9,0	7,3	7.0			Học khá tốt
36	Dương Tấn Sang	7,0	2,0	6,0	7,0		4,0	7,6	5,9	6.0			Có cố gắng
37	Nguyễn Minh Tâm	8,0	4,0	8,5	7,0		6,8	7,4	7,0	6.9			Học khá tốt
38	Huỳnh Quốc Thịnh	6,5	2,5	5,0	8,0		3,5	6,4	5,4	5.5			Có cố gắng
39	Trương Ngọc Phương Thúy	7,0	3,0	6,0	8,0		7,5	8,0	7,0	7.2			Học khá tốt
40	Lương Khánh Trinh	6,0	1,0	9,0	9,0		9,3	9,8	8,1	7.9			Học giỏi, chăm ngoan
41	Phạm Nguyễn Khánh Trung	7,5	3,5	5,0	6,0		4,5	7,4	5,9	5.9			Có cố gắng
42	Nguyễn Việt Trường	9,0	5,5	6,5	8,0		8,0	9,0	8,0	7.5			Học giỏi, chăm ngoan
43	Nguyễn Minh Tuấn	8,0	2,5	6,0	7,0		4,8	5,6	5,5	5.9			Có cố gắng
44	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	8,5	3,5	8,5	9,0		8,3	6,6	7,3	7.5			Học khá tốt
45	Nguyễn Ngọc Như Ý	7,0	3,0	7,0	8,0		7,5	7,2	6,8	7.1			Học khá tốt
46	Châu Thị Ngọc Yến												

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Lê Thị Hồng Thủy

Giáo Dục Quốc Phòng

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

trang 39/48

Công nghệ trồng trọt HỌC KỲ II (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Nguyễn Ngọc An	8,0	8,0	10,0			6,5	5,5	6,9	7.0			Học khá, cần cố gắng hơn
2	Nguyễn Quốc Kỳ Anh	8,0	7,0	7,0			7,8	5,0	6,6	6.9			Học khá, cần cố gắng hơn
3	Cao Hoài Ân	8,0	10,0	10,0			7,5	5,3	7,4	7.7			Có sự tiến bộ, học khá!
4	Phan Hoài Ân	8,0	9,0	10,0			6,0	9,3	8,4	8.1			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
5	Võ Trọng Ân	8,0	10,0	10,0			9,0	5,5	7,8	8.2			Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
6	Trần Dương Gia Bảo	10,0	8,0	10,0			6,3	7,0	7,7	7.4			Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
7	Châu Huỳnh Tấn Bảo	8,0	7,0	8,0			7,3	5,3	6,7	7.0			Học khá, cần cố gắng hơn
8	Huỳnh Lê Ngọc Diễm	10,0	8,0	10,0			5,8	8,5	8,1	7.9			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
9	Nguyễn Anh Duy	8,0	10,0	6,0			9,0	5,5	7,3	7.8			Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
10	Võ Lê Mỹ Duyên	10,0	8,0	10,0			7,3	7,3	8,1	8.2			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
11	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	8,0	10,0	10,0			7,3	5,5	7,4	7.8			Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
12	Lê Thành Đạt	7,0	8,0	7,0			9,0	5,5	7,1	7.2			Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt
13	Đặng Ngọc Hà	8,0	10,0	10,0			7,5	9,3	8,9	8.7			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
14	Phan Thị Hồng Hạnh	10,0	8,0	10,0			4,5	7,3	7,4	7.9			Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
15	Phan Thị Thanh Hằng	8,0	10,0	10,0			6,0	7,3	7,7	8.0			Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt
16	Phạm Minh Hiền	8,0	9,0	9,0			7,3	5,8	7,3	7.8			Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt
17	Nguyễn An Khang	8,0	10,0	6,0			8,3	5,8	7,3	7.6			Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
18	Nguyễn Trần Thành Khang	8,0	8,0	7,0			6,3	7,3	7,2	7.0			Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
19	Nguyễn Nhựt Khánh	8,0	10,0	10,0			7,5	5,5	7,4	8.0			Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
20	Trần Thị Mộng Kiều	10,0	8,0	10,0			5,8	5,5	7,0	7.5			Học khá, cần cố gắng hơn
21	Trần Thị Thúy Kiều	8,0	10,0	10,0			7,5	8,8	8,7	8.7			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
22	Huỳnh Lê Kỳ	8,0	8,0	10,0			7,3	9,0	8,5	8.2			Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt
23	Lê Hoàng Long	8,0	10,0	5,0			4,5	6,3	6,4	6.9			Học khá, cần cố gắng hơn
24	Nguyễn Hoàng Phi Long	4,0	8,0	10,0			7,0	5,8	6,7	6.8			Học khá, cần cố gắng hơn
25	Lê Thị Thuý Mai	8,0	10,0	10,0			6,0	8,3	8,1	8.1			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
26	Nguyễn Thị Diễm My	10,0	8,0	10,0			7,5	5,5	7,4	7.7			Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt
27	Nguyễn Ngọc Thanh Ngân	8,0	9,0	9,0			4,8	6,3	6,8	7.3			Học khá, cần cố gắng hơn
28	Nguyễn Trúc Nhi	10,0	8,0	10,0			7,8	5,5	7,5	8.0			Học khá, cần cố gắng hơn
29	Vũ Hoàng Phúc	8,0	9,0	10,0			4,8	5,5	6,6	7.2			Học khá, cần cố gắng hơn
29	Nguyễn Hoàng Phúc												
30	Lâm Hoàng Kim Phụng	9,0	8,0	10,0			7,5	9,8	8,9	8.5			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
31	Nguyễn Thanh Phúc												
32	Phan Thị Thúy Phương	8,0	10,0	10,0			7,5	6,8	7,9	8.0			Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
33	Đặng Nhựt Quy	10,0	8,0	10,0			6,8	7,8	8,1	7.5			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
34	Trần Mạnh Quỳnh	8,0	10,0	10,0			6,5	7,8	8,1	7.7			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
36	Dương Tấn Sang	10,0	8,0	10,0			9,5	5,8	8,1	8.4			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
37	Nguyễn Minh Tâm	8,0	10,0	10,0			7,3	5,8	7,5	7.9			Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt
38	Huỳnh Quốc Thịnh	9,0	8,0	10,0			7,5	6,5	7,7	7.7			Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
39	Trương Ngọc Phương Thúy	8,0	10,0	10,0			7,3	9,3	8,8	8.8			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
40	Lương Khánh Trinh	10,0	8,0	10,0			6,3	7,0	7,7	8.1			Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt
41	Phạm Nguyễn Khánh Trung	8,0	9,0	10,0			7,0	8,8	8,4	8.4			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
42	Nguyễn Việt Trường	10,0	8,0	10,0			5,8	9,0	8,3	8.2			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
43	Nguyễn Minh Tuấn	8,0	9,0	10,0			7,5	5,8	7,4	7.9			Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
44	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	10,0	8,0	10,0			6,3	7,0	7,7	7.9			Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt
45	Nguyễn Ngọc Như Ý	8,0	10,0	10,0			8,3	6,8	8,1	8.1			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
46	Châu Thị Ngọc Yến												

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Thanh Phong

HỌC KỲ II													
Giáo dục thể chất (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)													
STT	Họ và tên	Mức đánh giá										Ghi Chú	
		Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)											
		Thường Xuyên					Giữa kỳ	Cuối kỳ	Học kỳ	Cuối năm	Mức đánh giá lại		
Đạt(Đ), Chưa đạt (CĐ)											Học kỳ	Cuối năm	
1	Nguyễn Ngọc An	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực tập luyện tốt
2	Nguyễn Quốc Kỳ Anh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Học tốt, chăm ngoan.
3	Cao Hoài Ân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực tập luyện tốt
4	Phan Hoài Ân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực tập luyện tốt
5	Võ Trọng Ân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực tập luyện tốt
6	Trần Dương Gia Bảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực tập luyện tốt
7	Châu Huỳnh Tấn Bảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực tập luyện tốt
8	Huỳnh Lê Ngọc Diễm	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực tập luyện tốt
9	Nguyễn Anh Duy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Học tốt, chăm ngoan.
10	Võ Lê Mỹ Duyên	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực tập luyện tốt
11	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Học tốt, chăm ngoan.
12	Lê Thành Đạt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực tập luyện tốt
13	Đặng Ngọc Hà	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực tập luyện tốt
14	Phan Thị Hồng Hạnh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực tập luyện tốt
15	Phan Thị Thanh Hằng	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực tập luyện tốt
16	Phạm Minh Hiền	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực tập luyện tốt
17	Nguyễn An Khang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Học tốt, chăm ngoan.
18	Nguyễn Trần Thành Khang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Học tốt, chăm ngoan.
19	Nguyễn Nhật Khánh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Học tốt, chăm ngoan.
20	Trần Thị Mộng Kiều	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực tập luyện tốt
21	Trần Thị Thúy Kiều	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực tập luyện tốt
22	Huỳnh Lê Kỳ	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực tập luyện
23	Lê Hoàng Long	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực tập luyện tốt
24	Nguyễn Hoàng Phi Long	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực tập luyện tốt
25	Lê Thị Thuý Mai	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực tập luyện tốt
26	Nguyễn Thị Diễm My	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Học tốt, chăm ngoan.
27	Nguyễn Ngọc Thanh Ngân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Học tốt, chăm ngoan.
28	Nguyễn Trúc Nhi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực tập luyện tốt
29	Vũ Hoàng Phúc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Học tốt, chăm ngoan.
29	Nguyễn Hoàng Phúc												
30	Lâm Hoàng Kim Phụng	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực tập luyện
31	Nguyễn Thanh Phúc												
32	Phan Thị Thúy Phương	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực tập luyện tốt
33	Đặng Nhật Quy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực tập luyện tốt
34	Trần Mạnh Quỳnh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Học tốt, chăm ngoan.
36	Dương Tấn Sang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Học tốt, chăm ngoan.
37	Nguyễn Minh Tâm	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực tập luyện tốt
38	Huỳnh Quốc Thịnh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực tập luyện tốt
39	Trương Ngọc Phương Thúy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực tập luyện tốt
40	Lương Khánh Trình	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Học tốt, chăm ngoan.
41	Phạm Nguyễn Khánh Trung	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Học tốt, chăm ngoan.
42	Nguyễn Việt Trường	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Học tốt, chăm ngoan.
43	Nguyễn Minh Tuấn	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực tập luyện tốt
44	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực tập luyện tốt
45	Nguyễn Ngọc Như Ý	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Tích cực tập luyện tốt
46	Châu Thị Ngọc Yến												

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn En, Phạm Hồng Hải

HỌC KỲ II													
Giáo dục địa phương (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)													
STT	Họ và tên	Mức đánh giá Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)										Ghi Chú	
		Thường Xuyên					Giữa kỳ	Cuối kỳ	Học kỳ	Cuối năm	Mức đánh giá lại		
											Đạt(Đ), Chưa đạt (CĐ)		Học kỳ
1	Nguyễn Ngọc An	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
2	Nguyễn Quốc Kỳ Anh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
3	Cao Hoài Ân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
4	Phan Hoài Ân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
5	Võ Trọng Ân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
6	Trần Dương Gia Bảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
7	Châu Huỳnh Tấn Bảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
8	Huỳnh Lê Ngọc Diễm	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
9	Nguyễn Anh Duy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
10	Võ Lê Mỹ Duyên	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
11	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
12	Lê Thành Đạt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
13	Đặng Ngọc Hà	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
14	Phan Thị Hồng Hạnh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
15	Phan Thị Thanh Hằng	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
16	Phạm Minh Hiền	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
17	Nguyễn An Khang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
18	Nguyễn Trần Thành Khang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
19	Nguyễn Nhật Khánh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
20	Trần Thị Mộng Kiều	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
21	Trần Thị Thúy Kiều	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
22	Huỳnh Lê Kỳ	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
23	Lê Hoàng Long	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
24	Nguyễn Hoàng Phi Long	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
25	Lê Thị Thuý Mai	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
26	Nguyễn Thị Diễm My	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
27	Nguyễn Ngọc Thanh Ngân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
28	Nguyễn Trúc Nhi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
29	Vũ Hoàng Phúc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
29	Nguyễn Hoàng Phúc												
30	Lâm Hoàng Kim Phụng	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
31	Nguyễn Thanh Phúc												
32	Phan Thị Thúy Phương	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
33	Đặng Nhật Quy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
34	Trần Mạnh Quỳnh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
36	Dương Tấn Sang	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
37	Nguyễn Minh Tâm	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
38	Huỳnh Quốc Thịnh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
39	Trương Ngọc Phương Thúy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
40	Lương Khánh Trinh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
41	Phạm Nguyễn Khánh Trung	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
42	Nguyễn Việt Trường	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
43	Nguyễn Minh Tuấn	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
44	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
45	Nguyễn Ngọc Như Ý	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành môn học
46	Châu Thị Ngọc Yến												

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Thúy Quyên, Nguyễn Thị Lệ Huyền

HĐTrN-HN														HỌC KỲ II													
(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)																											
STT	Họ và tên	Mức đánh giá												Ghi Chú													
		Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)																									
		Thường Xuyên						Giữa kỳ	Cuối kỳ	Học kỳ	Cuối năm	Mức đánh giá lại															
Đạt(Đ), Chưa đạt (CĐ)												Học kỳ	Cuối năm														
1	Nguyễn Ngọc An	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt													
2	Nguyễn Quốc Kỳ Anh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt													
3	Cao Hoài Ân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt													
4	Phan Hoài Ân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt													
5	Võ Trọng Ân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt													
6	Trần Dương Gia Bảo	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt													
7	Châu Huỳnh Tấn Bảo	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt													
8	Huỳnh Lê Ngọc Diễm	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt													
9	Nguyễn Anh Duy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt													
10	Võ Lê Mỹ Duyên	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt													
11	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt													
12	Lê Thành Đạt	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt													
13	Đặng Ngọc Hà	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt													
14	Phan Thị Hồng Hạnh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt													
15	Phan Thị Thanh Hằng	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt													
16	Phạm Minh Hiền	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt													
17	Nguyễn An Khang	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt													
18	Nguyễn Trần Thành Khang	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt													
19	Nguyễn Nhật Khánh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm, học khá.													
20	Trần Thị Mộng Kiều	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt													
21	Trần Thị Thúy Kiều	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm, học khá.													
22	Huỳnh Lê Kỳ	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm, học khá.													
23	Lê Hoàng Long	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm, học khá.													
24	Nguyễn Hoàng Phi Long	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm, học khá.													
25	Lê Thị Thuý Mai	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt													
26	Nguyễn Thị Diễm My	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt													
27	Nguyễn Ngọc Thanh Ngân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm, học khá.													
28	Nguyễn Trúc Nhi	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm, học khá.													
29	Vũ Hoàng Phúc	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt													
29	Nguyễn Hoàng Phúc																										
30	Lâm Hoàng Kim Phụng	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt													
31	Nguyễn Thanh Phúc																										
32	Phan Thị Thúy Phương	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt													
33	Đặng Nhật Quy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt													
34	Trần Mạnh Quỳnh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt													
36	Dương Tấn Sang	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt													
37	Nguyễn Minh Tâm	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm, học khá.													
38	Huỳnh Quốc Thịnh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt													
39	Trương Ngọc Phương Thúy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt													
40	Lương Khánh Trinh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt													
41	Phạm Nguyễn Khánh Trung	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm, học khá.													
42	Nguyễn Việt Trường	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt													
43	Nguyễn Minh Tuấn	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm, học khá.													
44	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt													
45	Nguyễn Ngọc Như Ý	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Chăm ngoan, học tốt													
46	Châu Thị Ngọc Yến																										

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Thanh Phong, Trần Tấn Phương

TỔNG HỢP HỌC KỲ II

Số T T	Họ và tên	Môn học đánh giá bằng nhận xét			Môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số									Kết quả học tập	Kết quả rèn luyện
		Giáo dục thể chất	Giáo dục địa phương	HDTrN- HN	Toán	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Ngữ văn	Lịch sử	Ngoại ngữ 1	Giáo Dục Quốc Phong	Công nghệ trồng trọt		
1	Nguyễn Ngọc An	Đ	Đ	Đ	7,1	7,1	7,9	6,7	6,4	8,9	6,4	7,1	6,9	K	T
2	Nguyễn Quốc Kỳ Anh	Đ	Đ	Đ	7,0	7,4	6,8	5,6	5,2	8,7	3,8	7,0	6,6	Đ	T
3	Cao Hoài Ân	Đ	Đ	Đ	7,3	8,3	8,3	7,4	6,0	8,3	6,1	6,6	7,4	K	T
4	Phan Hoài Ân	Đ	Đ	Đ	7,4	7,7	7,7	8,3	5,7	8,8	5,6	7,0	8,4	K	T
5	Võ Trọng Ân	Đ	Đ	Đ	7,3	8,0	6,5	7,9	5,8	7,8	5,7	7,0	7,8	K	T
6	Trần Dương Gia Bảo	Đ	Đ	Đ	7,3	8,9	9,2	8,6	6,4	8,8	7,9	8,3	7,7	K	T
7	Châu Huỳnh Tấn Bảo	Đ	Đ	Đ	7,5	7,4	7,8	6,8	6,7	7,7	4,8	6,9	6,7	Đ	T
8	Huỳnh Lê Ngọc Diễm	Đ	Đ	Đ	7,6	8,9	8,7	9,1	7,3	8,8	6,3	8,4	8,1	K	T
9	Nguyễn Anh Duy	Đ	Đ	Đ	7,6	8,2	7,7	8,3	5,6	8,2	6,8	6,7	7,3	K	T
10	Vô Lê Mỹ Duyên	Đ	Đ	Đ	7,8	8,4	9,6	8,5	6,2	8,4	7,3	8,1	8,1	K	T
11	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	Đ	Đ	Đ	8,2	7,2	6,9	7,6	6,7	9,4	7,2	8,6	7,4	K	T
12	Lê Thành Đạt	Đ	Đ	Đ	7,1	7,3	6,4	7,4	5,4	8,0	6,1	7,3	7,1	K	T
13	Đặng Ngọc Hà	Đ	Đ	Đ	8,0	8,4	8,8	7,6	6,3	8,9	7,5	7,7	8,9	K	T
14	Phan Thị Hồng Hạnh	Đ	Đ	Đ	6,9	7,3	7,0	5,8	6,7	8,0	6,4	6,7	7,4	K	T
15	Phan Thị Thanh Hằng	Đ	Đ	Đ	7,5	8,3	8,9	8,6	6,2	8,7	7,8	7,7	7,7	K	T
16	Phạm Minh Hiền	Đ	Đ	Đ	6,5	7,2	5,8	7,6	6,2	7,4	5,4	7,4	7,3	K	T
17	Nguyễn An Khang	Đ	Đ	Đ	7,6	8,3	7,8	7,8	6,7	8,5	6,3	9,0	7,3	K	T
18	Nguyễn Trần Thành Khang	Đ	Đ	Đ	7,7	8,6	8,5	8,6	6,6	8,9	5,5	8,6	7,2	K	T
19	Nguyễn Nhựt Khánh	Đ	Đ	Đ	7,7	7,2	6,3	7,1	6,2	8,4	5,3	7,4	7,4	K	T
20	Trần Thị Mộng Kiều	Đ	Đ	Đ	7,6	8,0	8,8	8,4	6,8	9,5	7,6	8,1	7,0	K	T
21	Trần Thị Thúy Kiều	Đ	Đ	Đ	7,4	7,3	8,4	7,1	5,8	8,6	6,4	5,9	8,7	K	T
22	Huỳnh Lê Kỳ	Đ	Đ	Đ	6,6	6,6	6,9	5,4	5,1	7,9	4,8	6,6	8,5	Đ	T
23	Lê Hoàng Long	Đ	Đ	Đ	7,7	7,0	7,3	7,5	5,4	8,6	5,8	7,7	6,4	K	T
24	Nguyễn Hoàng Phi Long	Đ	Đ	Đ	7,0	7,3	7,0	6,8	6,0	7,9	6,4	6,7	6,7	K	T
25	Lê Thị Thuý Mai	Đ	Đ	Đ	7,9	8,4	8,3	8,7	7,3	8,0	7,3	8,3	8,1	T	T
26	Nguyễn Thị Diễm My	Đ	Đ	Đ	8,2	7,9	8,7	7,3	7,1	8,5	7,1	8,4	7,4	K	T
27	Nguyễn Ngọc Thanh Ngân	Đ	Đ	Đ	7,6	7,9	8,2	8,4	5,3	8,5	6,6	7,1	6,8	K	T
28	Nguyễn Trúc Nhi	Đ	Đ	Đ	7,9	7,3	7,4	7,7	6,6	8,9	6,1	7,0	7,5	K	T
29	Vũ Hoàng Phúc	Đ	Đ	Đ	7,8	7,5	8,4	7,9	6,7	8,9	7,1	7,9	6,6	K	T
29	Nguyễn Hoàng Phúc														
30	Lâm Hoàng Kim Phụng	Đ	Đ	Đ	6,4	8,4	9,5	6,8	7,4	9,0	5,9	6,6	8,9	K	T
31	Nguyễn Thanh Phúc														
32	Phan Thị Thúy Phụng	Đ	Đ	Đ	8,9	8,4	9,7	7,2	7,1	8,8	8,4	7,1	7,9	K	T
33	Đặng Nhựt Quy	Đ	Đ	Đ	7,5	8,4	8,5	8,3	6,6	9,6	7,0	7,4	8,1	K	T
34	Trần Mạnh Quỳnh	Đ	Đ	Đ	7,0	8,4	9,0	8,5	6,6	9,0	7,3	7,6	8,1	K	T
36	Dương Tấn Sang	Đ	Đ	Đ	7,7	7,7	7,4	7,8	5,6	8,1	5,9	8,3	8,1	K	T
37	Nguyễn Minh Tâm	Đ	Đ	Đ	8,0	7,5	8,3	7,1	5,9	7,6	7,0	8,1	7,5	K	T
38	Huỳnh Quốc Thịnh	Đ	Đ	Đ	7,9	7,9	7,2	7,4	6,7	8,5	5,4	8,6	7,7	K	T
39	Trương Ngọc Phương Thúy	Đ	Đ	Đ	8,1	8,5	8,8	8,4	6,5	8,9	7,0	7,9	8,8	T	T
40	Lương Khánh Trinh	Đ	Đ	Đ	8,0	9,6	9,3	9,6	7,4	9,3	8,1	8,6	7,7	T	T
41	Phạm Nguyễn Khánh Trung	Đ	Đ	Đ	6,8	7,0	7,8	5,5	5,6	8,1	5,9	7,4	8,4	K	T
42	Nguyễn Việt Trường	Đ	Đ	Đ	8,8	9,5	9,4	9,3	7,6	9,2	8,0	8,3	8,3	T	T
43	Nguyễn Minh Tuấn	Đ	Đ	Đ	7,7	7,3	7,8	7,4	5,7	7,8	5,5	7,6	7,4	K	T
44	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Đ	Đ	Đ	8,2	8,6	9,6	8,7	7,1	8,5	7,3	7,9	7,7	K	T
45	Nguyễn Ngọc Như Ý	Đ	Đ	Đ	7,8	8,8	8,3	9,1	7,1	9,4	6,8	9,0	8,1	T	T
46	Châu Thị Ngọc Yến														

Giáo viên chủ nhiệm
Ký và ghi rõ họ tên

Nguyễn Thị Hồng Thảo

PHẦN GHI KẾT QUẢ

CUỐI NĂM HỌC

TỔNG HỢP CẢ NĂM HỌC

Số TT	Họ và tên	Mức đánh giá		Mức đánh giá sau khi rèn luyện trong kì nghỉ hè; kiểm tra, đánh giá lại		Tổng số buổi nghỉ học	Được lên lớp	Không được lên lớp	Khen thưởng	Tổng hợp chung
		Kết quả rèn luyện	Kết quả học tập	Kết quả rèn luyện	Kết quả học tập					
1	Nguyễn Ngọc An	T	K			2				Tổng số học sinh: 43
2	Nguyễn Quốc Kỳ Anh	T	Đ			4				
3	Cao Hoài Ân	T	K							
4	Phan Hoài Ân	T	K							
5	Võ Trọng Ân	T	K							
6	Trần Dương Gia Bảo	T	K							- Được lên lớp: 0 trong đó 0 học sinh Được lên lớp sau khi học tập, rèn luyện thêm trong hè.
7	Châu Huỳnh Tấn Bảo	T	Đ							
8	Huỳnh Lê Ngọc Diễm	T	K			2				
9	Nguyễn Anh Duy	T	K							
10	Võ Lê Mỹ Duyên	T	K							
11	Nguyễn Thị Ngọc Duyên	T	K							- Không được lên lớp: 0
12	Lê Thành Đạt	T	K							
13	Đặng Ngọc Hà	T	K			2				
14	Phan Thị Hồng Hạnh	T	Đ			4				
15	Phan Thị Thanh Hằng	T	K							
16	Phạm Minh Hiền	T	Đ							Nguyễn Thị Hồng Thảo
17	Nguyễn An Khang	T	K							
18	Nguyễn Trần Thành Khang	T	K							
19	Nguyễn Nhựt Khánh	T	K							
20	Trần Thị Mộng Kiều	T	K			2				
21	Trần Thị Thúy Kiều	T	K							Hiệu trưởng (Ký và ghi rõ họ tên)
22	Huỳnh Lê Kỳ	T	Đ							
23	Lê Hoàng Long	T	K							
24	Nguyễn Hoàng Phi Long	T	K							
25	Lê Thị Thuý Mai	T	K							
26	Nguyễn Thị Diễm My	T	K			2				Nguyễn Minh Triều
27	Nguyễn Ngọc Thanh Ngân	T	K			6				
28	Nguyễn Trúc Nhi	T	K							
29	Vũ Hoàng Phúc	T	K							
29	Nguyễn Hoàng Phúc	-	-				-		-	
30	Lâm Hoàng Kim Phụng	T	K			10				Học sinh Giỏi
31	Nguyễn Hoàng Phúc	-	-				-		-	
31	Nguyễn Thanh Phúc	-	-				-		-	
32	Phan Thị Thúy Phượng	T	T							
33	Đặng Nhựt Quy	T	K							
34	Trần Mạnh Quỳnh	T	K							Học sinh Giỏi
35	Nguyễn Thanh Phúc	-	-				-		-	
36	Dương Tấn Sang	T	K							
37	Nguyễn Minh Tâm	T	K							
38	Huỳnh Quốc Thịnh	T	K							
39	Trương Ngọc Phương Thủy	T	T							Học sinh Giỏi
40	Lương Khánh Trình	T	T							
41	Phạm Nguyễn Khánh Trung	T	Đ			2				
42	Nguyễn Việt Trường	T	T							
43	Nguyễn Minh Tuấn	T	K							
44	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	T	K							Học sinh Giỏi
45	Nguyễn Ngọc Như Ý	T	T							
46	Châu Thị Ngọc Yến	-	-				-		-	

**NHẬN XÉT CỦA HIỆU TRƯỞNG
VỀ SỬ DỤNG SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH**

Tháng	Nhận xét cụ thể về sử dụng sổ	Ký tên, đóng dấu
Tháng 9	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều
Tháng 10	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều
Tháng 11	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều
Tháng 12	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều
Tháng 1	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều

**NHẬN XÉT CỦA HIỆU TRƯỞNG VỀ
SỬ DỤNG SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH**

Tháng	Nhận xét cụ thể về sử dụng sổ	Ký tên, đóng dấu
Tháng 2	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều
Tháng 3	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều
Tháng 4	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều
Tháng 5	Đầy đủ, đúng quy định	Nguyễn Minh Triều